

Nhóm Bí Thư Giám, Cụ Lộc Nam thân Ngụy
Trung vâng lệnh vua Đường Thái Tông cùng biên soạn

PHƯƠNG SÁCH TRỊ NƯỚC CỦA NGƯỜI XƯA
QUẢN THƯ TRỊ YẾU 2
(Tập 4)

Chuyển ngữ:

QUẢN THƯ TRỊ YẾU

QUYỂN 7

*Nhóm Bí Thư Giám, Cự Lộc Nam Thần Ngụy Trưng vâng
lệnh vua Đường Thái Tông biên soạn.*

LỄ KÝ

KHÚC LỄ

Khúc Lễ nói: Phàm làm việc gì, đừng bất kính, thái độ nghiêm cẩn, suy nghĩ chín chắn, lời nói quả quyết, như vậy mới có thể khiến cho lòng dân an định! Tâm kiêu ngạo không lớn thêm, dục vọng không được buông thả, ý chí không được tự mãn, không vui đến cực điểm. Bậc hiền giả thân cận mà vẫn cung kính, tuy sợ hãi mà vẫn yêu thương. Tuy yêu thương nhưng cũng phân biệt ra những điểm xấu, tuy ghét vẫn nhận ra những điểm tốt. Lễ có thể xác định được thân hay sơ, giải quyết được hiềm nghi, phân biệt được giống nhau và khác nhau, thấu suốt đúng và sai. Đạo đức nhân nghĩa không dựa vào lễ thì không thành. Giáo huấn để đánh chính phong tục không y theo lễ thì không hoàn chỉnh; những việc đúng sai tranh cãi không theo lễ thì không giải quyết được; Vua-tôi trên dưới, cha con anh em không có lễ thì không xác định được thân phận và địa vị. Làm quan cầu học tập phải kính trọng thầy dạy, không y theo lễ thì sẽ không có sự tôn trọng quan hệ thầy trò; chức vụ quan lại trong triều đình tổ chức trong quân đội, phân bổ chức vị quan lại phải chấp hành pháp tắc, không theo lễ thì không uy nghiêm khiến họ phục tùng. Cầu phúc tế tự dâng cúng phẩm vật tổ tiên và quỷ thần, không có lễ là không thành

tâm và không trang nghiêm. Người giàu có mà biết lễ thì không kiêu ngạo và không dâm loạn; Người nghèo hèn mà biết lễ thì trong lòng không hèn nhát. Mùa xuân nhà vua đi săn không được bao vây cả vùng đất để săn. Đại phu không được nhân đó mà săn bắt hết đàn thú, kẻ sĩ không săn bắt trứng chim và thú nhỏ. Những năm mất mùa, thu hoạch thất bát, vua không giết gia súc ăn thịt, không lấy lương thực cho ngựa ăn, không sửa đường, tế lễ không tấu nhạc, đại phu không ăn cao lương, kẻ sĩ khi yến tiệc không dùng nhạc khí.

ĐÀN CUNG

Trí Điều tử chết, chưa chôn, vua Tấn Bình Công uống rượu, có Sư Khoáng, Lý Điều ngồi hầu, còn đánh chung tấu nhạc trợ vui. Đỗ Khoái từ ngoài đi vào, đi lên bậc thềm đến gian nhà chánh rót rượu nói: “Sư Khoáng uống ly rượu này” lại rót nữa nói tiếp: “Lý Điều uống ly này”, lại rót ly rượu tự mình đứng quay mặt về hướng bắc uống, rồi bước xuống thềm đi ra. Bình công gọi trở vào hỏi: “Này Khoái tại sao ngươi bắt Sư Khoáng uống rượu?”. Đáp: “Ngày tý ngày mao không phải là ngày nên vui, Trí Điều chết còn chưa chôn, như vậy càng nên không vui trong hai ngày này. Sư Khoáng là thái sư, không đem việc này tâu với Ngài vì thế nên phạt ông ấy một ly”. “Vì sao ngươi cũng phạt Lý Điều uống rượu”. Đỗ Khoái đáp: “Lý Điều là cận thần của Ngài, chỉ vì ăn uống mà quên can gián Ngài phạm sai lầm, vì vậy phạt ông ấy uống rượu”. “Vậy ngươi tự uống một ly là ý gì”. Đỗ Khoái đáp:

“Khoái là một một tể phu hầu hạ Ngài, bốn phận dâng những thức ăn thức uống cho Ngài, thế mà dám khuyên nhủ lỗi lầm của vua, vì vậy cũng nên phạt một

ly”. Bình Công nói: “Quả nhân cũng có tội, hãy rót cho ta một ly phạt ta uống một ly!”. Đỗ Khoái lấy ly rượu rửa sạch rót rượu dâng lên. Bình công nói với các người theo hầu Ngài rằng: “Sau này ta chết rồi, đừng vứt ly rượu này”. Từ đó cho đến nay sau kính rượu xong thì phải dâng cao ly rượu, còn gọi là “Đỗ cử”.

Không Tử đi qua bên sườn núi Thái, có một người phụ nữ khóc bên ngôi mộ rất bi thương, phu tử nghe tiếng khóc liền sai Tử Lộ đến hỏi: “Tại sao bà khóc nghe thảm thiết quá?” Người phụ nữ đó đáp: “Xưa bố chồng tôi chết vì hổ ăn thịt, chồng tôi cũng bị hổ ăn thịt, bây giờ đến con tôi cũng bị hổ ăn thịt”. Phu tử hỏi: “Tại sao không dời nhà đi nơi khác?” Người phụ nữ đó đáp: “ở đây chính quyền không hà khắc”. Phu tử nói: “Các trò nhớ lấy, chính quyền hà khắc còn đáng sợ hơn hổ nữa”.

Người vệ sĩ ở Dương Môn chết, Tư Không Tử Hãn đi vào khóc rất bi thương, nước Tấn có người tình báo ở nước Tống, sau khi về nước, báo lại với Tấn hầu rằng: “Vệ sĩ ở Dương Môn chết mà Tử Hãn khóc rất bi ai, lão bá tánh đều thích Tử Hãn, e rằng chinh phạt nước Tống không được. Không Tử nghe qua câu chuyện này nói: “Hay thay! Người tình báo này rất thông minh”.

VƯƠNG CHẾ

Phàm là chọn hiền tài trong dân chúng, trước tiên xem tài đức của họ, sau khi điều tra rõ ràng thì mới có thể cho thử việc, trong thời gian thử việc mà làm tốt thì mới phong chức tước cho họ, sau khi phong chức tước cho họ mới ban bổng lộc tương xứng. Trên triều đình khi phong chức tước cho ai thì cũng cho nhân sĩ tham gia như vậy mới công bằng, hành hình

trừng phạt tội nhân thì ở chợ, cho lão bá tánh tham gia và cùng khinh bỉ tội nhân.

Đầu mùa Xuân bắt đầu săn bắt, thì quan coi việc rừng núi mới có thể vào ao hồ bắt cá, sau tháng 8 mới có thể giăng lưới bắt chim, sau khi cây cỏ rụng lá hết mới được vào rừng đốn củi, còn tròng chưa ngủ đông không thể thiêu đốt ruộng nương.

Một nước mà dự trữ không đủ 9 năm dùng thì gọi là không phong phú; dự trữ không đủ dùng 6 năm gọi là nguy hiểm, dự trữ không đủ 3 năm dùng thì nước đó không thành là một nước rồi. Ba năm cày bừa trồng trọt thì nhất định có 1 năm dư lương thực; 9 năm cày bừa trồng trọt thì nhất định có 3 năm dư lương thực. Cứ như vậy 30 năm mà tính thì dù gặp những năm mất mùa, lũ lụt, hạn hán thì dân chúng cũng không gặp nguy hiểm về đói kém, như vậy nhà vua mỗi ngày có thể ăn uống thịnh soạn, an nhàn hưởng thụ.

NGUYỆN LỆNH

Đầu mùa Xuân tháng Giêng, ngày lập xuân, vua dẫn tam công, cửu khanh, chư hầu và các đại phu ra cửa

thành phía đông để làm lễ đón xuân. Ban bố lệnh ban ân đức cho muôn dân, thi hành khen thưởng, bố thí và ban ân huệ cho tất cả muôn dân. Cũng trong tháng này, ngày đầu tiên cử hành lễ cúng tế thượng đế mong cầu ngũ cốc được mùa. Chọn một ngày tốt vua tự thân dẫn tam công, cửu khanh, chư hầu và các đại phu cày ruộng tịch điền. Nghiêm cấm đốn cây, không được phá hoại tổ chim, không được sát hại ấu trùng, những loài thú còn trong bụng mẹ chưa sanh, những con chim nhỏ mới bắt đầu tập bay, không được bắn giết thú nhỏ và lượm nhặt trứng chim, không được tụ tập dân chúng,

không xây sửa thành quách, phải chôn cất hài cốt xương khô, không được xung hùng cử binh, cử binh chắc chắn gặp trời giáng xuống tai họa.

Giữa mùa Xuân tháng hai, nuôi dạy trẻ nhỏ và thanh thiếu niên, chăm sóc trẻ mồ côi, ra lệnh cho quan tư pháp, giảm bớt tù nhân, cởi bớt gông cùm, đối với những tử tù, sau khi xử tử không phải phơi thây thị chúng, không được dùng hết nước ở ao hồ, không được đê ao đầm khô cạn, không được thiêu đốt rừng núi.

Mùa Xuân tháng ba, vua muốn ban ân đức cho muôn dân nên hạ lệnh cho quan cai quản mở kho lương thực phân phát cho người nghèo không nơi nương tựa, cứu trợ cho người nghèo khổ, mở kho chứa đồ vật lấy vải, lụa, tài vật ban cho các chư hầu dưng sĩ, những người hiền tài lấy lễ mà tiếp đãi. Vua hạ lệnh cho quan Tư không rằng: “Mưa mùa xuân sắp đến, nước mưa rất nhiều, nước ngầm dưới đất cũng dâng lên, phải tu sửa đê điều, nạo vét khơi thông cống rãnh, mở thoát nước, không cho trở ngại tắt nghẽn, những công cụ lưới bắt chim thú phải ẩn giấu đi, chuẩn bị thuốc độc để độc hại thú dữ, tất cả những thứ này không được mang ra cửa thành. Ra lệnh cho các quan phụ trách rừng núi nghiêm cấm tất cả mọi người chặt cây dâu tằm. Các hậu phi phải trai giới, đi về phía đông của thành tự tay hái lá dâu tằm, nghiêm cấm phụ nữ trang điểm quá mức, giảm bớt những việc may vá thiêu thừa, khuyến khích họ dùng nhiều thời gian vào việc chăm sóc nuôi tằm. Hạ lệnh cho các quan phụ trách các thợ nhiều ngành nghề, bắt đầu sản xuất, có người phụ trách giám sát mỗi ngày đều có mệnh lệnh rằng: Không được làm đi ngược lại với thời tiết, đừng tạo ra những đồ vật quá kỳ xảo, khiến cho nhà vua xao động.

Đầu mùa Hạ tháng tư không được xây dựng rào rộ, không triệu tập dân chúng. Ra lệnh cho quan phụ trách điền dã sơn lâm đi thăm hỏi nông dân, khuyên họ cần cù canh tác, đừng ở lại thành ấp nghỉ ngơi.

Giữa mùa Hạ tháng năm hạ lệnh cho quan lại thay muôn dân mà cúng tế cầu phúc ở đầu nguồn của các dòng sông, cử hành đại lễ cúng thượng đế để cầu mưa, hạ lệnh cho các quan lại ở các huyện cũng tiến hành cúng tế cầu mưa và cúng tế các quan thời xưa có công với đất nước mong cầu mùa màng bội thu.

Mùa Hạ tháng sáu cây cối phát triển mạnh mẽ, nghiêm cấm người đồn chặt, không phát động quy mô lao dịch trước khiến cho muôn dân trong lòng lo sợ chờ đợi, như vậy sẽ cản trở sản xuất nông nghiệp, lúc này mưa nhiều, nếu phát động quy mô lao dịch, trên trời sẽ giáng xuống tai họa.

Đầu mùa Thu tháng bảy hạ lệnh cho tướng soái, chọn binh sĩ, mài giũa binh khí, hạ lệnh quan phụ trách hình phạt thẩm sát xử án, cân nhắc mức hình phạt; hạ lệnh cho các quan lại hoàn thiện đề điều, kiểm tra tỉ mỉ sông hồ có bị tắt nghẽn không, để tránh lũ lụt.

Giữa mùa Thu tháng tám, tăng cường chăm sóc người già yếu, tặng họ cây gậy chống. Hạ lệnh cho các quan lại phụ trách việc nông, Đôn đốc nhân dân thu hoạch, dự trữ các loại thức ăn khô, phải dự trữ thật nhiều, khuyến khích nhân dân trồng các loại lúa mì, không được bỏ lỡ thời vụ.

Mùa Thu tháng chín hạ lệnh cho quan Thái tử phải tổng kết số lượng mùa vụ thu hoạch, đem tất cả lương thực thu hoạch tịch điền của vua cất giữ trong kho dùng để tế tự. Sương giá bắt đầu rơi, các thợ thủ công đều ngừng làm và nghỉ ngơi.

Đầu mùa Đông tháng mười, phải ban thưởng cho những người hiến dâng thân mình cho đất nước, nuôi dưỡng quả phụ và những người con mồ côi của người chết, hạ lệnh cho các quan quản lý tốt các kho lương thực, phải củng cố biên phòng, phòng bị chiến loạn vùng biên giới, càng củng cố thêm các cứ điểm quan trọng, tổ chức đại lễ tế tự sau đó là nghi thức uống rượu, nhà vua hướng về nhật nguyệt, tinh tú các thiên thần cầu năm tới ngũ cốc bội thu, cuối năm cúng tế tổ tiên và cúng tế 5 vị thần, thăm hỏi các nông phu, cho họ được nghỉ ngơi. Vua mệnh lệnh cho các tướng soái diễn binh tập võ, tập luyện bắn tên và cưỡi ngựa

Giữa mùa Đông tháng mười một, nhà vua hạ lệnh cho các quan cúng tế tứ hải, đại xuyên, sơn lâm, hồ trạch để cầu phúc, đối với những người có năng lực lấy lương thực, săn bắt dã thú thì người phụ trách điền dã sơn lâm phải chỉ dẫn họ.

Mùa Đông tháng chạp, vua hạ lệnh nhật băng đá để trong hầm đất. Hạ lệnh cho quan phụ trách ruộng nương thông báo cho dân chúng chuẩn bị chọn giống ngũ cốc để trồng cho mùa Xuân, hạ lệnh cho nông dân có kế hoạch canh tác thích hợp, sửa chữa cái cày cái bừa và chuẩn bị nông cụ cày ruộng, nhà vua cùng công, khanh, đại phu của triều đình chỉnh sửa pháp điển đất nước, thảo luận về chính sách cho phù hợp vận dụng trong năm tới.

VĂN VƯƠNG THẾ TỬ

Chu Văn vương khi còn làm thái tử. Mỗi ngày ba lần đi vấn an phụ thân(Vương Quý), sáng sớm gà vừa gáy là thức dậy, mặc y phục chỉnh tề đứng bên ngoài phòng Vương Quý, hỏi người phục trách trực

nhật rằng: “Hôm nay sức khỏe của phụ vương như thế nào”. Tiểu quan lại trực nhật đáp: “sức khỏe rất tốt” sắc mặt của Văn Vương hiện ra vui mừng. Đến buổi trưa lại đến cũng hỏi như vậy, đến chiều tối lại đến và cũng hỏi như vậy. Nếu như Vương Quý sức khỏe có một chút không tốt, thì tiểu quan sẽ bẩm báo lại với Văn vương, sắc mặt của Văn vương hiện vẻ lo âu, khi đi bước đi cũng không vững, khi Vương Quý sức khỏe hồi phục ăn uống lại bình thường thì Văn vương mới hồi phục lại cái dáng vẻ thường ngày trước kia. Khi chuẩn bị thức ăn dâng cho Vương Quý, tự mình phải kiểm tra thức ăn còn nóng hay nguội lạnh để ăn có vừa miệng, khi ăn xong, phải hỏi tình hình ăn uống như thế nào, sau đó mới rời đi. Chu Võ vương cũng tuân theo đạo hiếu của cha mình là Chu Văn vương mà làm. Khi Văn vương bệnh, Chu Võ vương quần áo cũng không thay, mũ cũng không tháo ra ở bên cạnh chăm sóc, Văn vương có thể ăn được một ít cơm thì Võ vương cũng chỉ ăn 1 ít cơm, Văn vương ăn được được hai bữa cơm thì Võ vương cũng ăn hai bữa cơm.

Ba đời nhà vua giáo dục thái tử nhất định dùng lễ và nhạc. Nhạc dùng để tu dưỡng phẩm tính trong nội tâm, lễ dùng để hoàn thiện hành vi bên ngoài. Nhạc và lễ lồng vào nhau trong nội tâm thì sẽ biểu hiện qua hành động. Mục đích lập thái phó, thiếu phó chính là dùng lễ nhạc lại giáo dục thái tử, làm thái phó thì hiểu rõ đạo cha con vua tôi, và tự thân phải làm thị phạm. Thiếu phó hầu hạ thái tử và quán sát đức hạnh của thái phó đồng thời giảng thích rõ ý nghĩa đức hạnh đó cho thái tử nghe. Thái phó thị phạm phía trước, thiếu phó giải thích phía sau, thái tử về hậu cung thì có bảo thị ở bên cạnh, đi ra bên ngoài có sư thị hướng dẫn, vì vậy mà được giáo dục đặc lực từ đó phát triển thành có đức hạnh tốt. Nhiệm vụ của sư thị là dạy thái tử nên làm gì và nói rõ sao gọi là người có đức hạnh; Bảo thị là

thận trọng từ lời nói đến việc làm của bản thân mình khiến cho suy nghĩ và hành vi của thái tử quy về với các chuẩn mực đạo đức.

Như vậy thì biết thế nào là làm người con tốt, thì mới có thể làm người cha tốt; biết thế nào làm bầy tôi tốt, thì mới có thể làm một ông vua tốt; biết thế nào là cung phụng người, mới có thể biết sai bảo người. Quan hệ nhà vua với thái tử là cha con là từ người thân mà nói. Từ địa vị tôn quý mà nói là một vị vua. Thái tử có thân tình người cha, có tôn nghiêm của vua, sau đó mới có thể thống trị thiên hạ. Do đó việc giáo dục thái tử phải hết sức thận trọng.

Làm một việc mà đạt được ba phương diện tốt chỉ có giáo dục thái tử mới có đầy đủ, đây là đề cập đến những người đồng học chung trong trường của thái tử theo tuổi lớn nhỏ mà họ hành sự. Mọi người nhìn thấy sẽ hỏi: “Thái tử tương lai sẽ là vua của chúng ta, nhưng bây giờ phải theo thứ tự lớn nhỏ, mà khiêm nhượng như vậy là vì sao”. Đáp: “Vì cha của thái tử còn nên phải theo quy định của lễ mà làm như vậy”, như vậy thì mọi người sẽ hiểu đạo lý của quan hệ cha con. Thứ hai, mọi người hỏi: “Thái tử tương lai sẽ là vua của chúng ta, nhưng bây giờ phải theo thứ tự lớn nhỏ, mà khiêm nhượng như vậy là vì sao”. Đáp: “Vì nhà vua còn, nên y theo lễ mà làm như vậy” như vậy thì mọi người hiểu được đạo nghĩa của vua tôi. Thứ ba, có người hỏi “Thái tử tương lai sẽ là vua của chúng ta, nhưng bây giờ phải theo thứ tự lớn nhỏ, mà khiêm nhượng như vậy là vì sao”. Đáp: “Nên tôn kính người lớn hơn” như vậy thì mọi người sẽ hiểu lễ tiết trong quan hệ người lớn kẻ nhỏ. Khi cha còn sống, thân phận thái tử là người con, khi vua còn thì thái tử là bầy tôi, cho nên phải tuân thủ lễ tiết của người con và bầy tôi, cho nên tôn kính vua và kính yêu cha mẹ. Vì vậy có thể dạy

họ đạo làm cha, làm tôi phải thế nào, dạy họ làm người anh, làm người em phải thế nào. Hiểu rõ được đạo lý vua tôi, cha con, lớn nhỏ thì đất nước ổn định và thái bình lâu dài. Cổ ngữ nói: “Lạc chính chủ quản việc giáo dục thì thơ cho thái tử, đại sư chủ quản việc giáo dục đạo đức cho thái tử. đào tạo một người có phẩm đức lương thiện thì tất cả các nước trong thiên hạ sẽ đi theo đường hướng đúng đắn”. đây là nói đến tính quan trọng trong việc giáo dục thái tử.

LỄ VẬN

Xưa kia, Khổng Tử được mời làm khách dự lễ Lạp, lễ xong ông ra ngoài dạo chơi, đột nhiên thở dài, Ngôn Yển ở bên cạnh hỏi: “Tiên sinh có gì mà thở dài?”. Khổng Tử đáp: “Đạo lớn thi hành của thời xưa cả thiên hạ đều là của công, chọn và trọng dụng người hiền tài, cho nên mọi người không chỉ kính mến người thân của mình, không chỉ lo cho con cái của mình, mà còn khiến người già có chỗ nương tựa, trẻ nhỏ đều được khỏe mạnh lớn lên, quan phụ quả phụ, trẻ mồ côi, người già độc thân, người tàn tật và bị bệnh đều được nuôi dưỡng, cơ mưu và gian xảo dối trá không xuất hiện, việc trộm cướp và làm loạn cũng không phát sanh, đây gọi là thế giới đại đồng. Ngày nay đạo lớn đã suy vi, thiên hạ là của riêng nhà mình, mỗi người chỉ yêu kính người thân cha mẹ mình, chỉ từ ái với con cái của mình, nhà vua chư hầu coi việc truyền đời cho dòng họ mình là lẽ pháp, cố giữ thành quách sông hồ của mình được vững chắc để bảo vệ bản thân, lấy lễ nghi làm kỷ cương trị quốc, dùng nó để xác định danh nghĩa trói buộc quan hệ vua và tôi, dùng nó để thêm trói buộc tình cảm cha con thêm nặng, dùng nó trói buộc vào nghĩa hòa thuận tình cảm anh em, hòa thuận tình nghĩa vợ chồng, vì vậy mà để thiết lập chế độ, lo lập

công vì bản thân mình, lấy mưu mô mà làm việc, nên binh đao do đó mà xảy ra. Các vua Vũ, Thương, Văn, Võ, Thành vương. Chu công cũng là những nhân vật kiệt xuất lúc ấy mà xuất hiện. Sáu vị quân tử này, không ai mà không thận trọng dùng lễ tiết”. Ngôn yễn lại hỏi: “Vận dụng lễ cần thiết như vậy sao”. Khổng Tử đáp: “Lễ là đạo do tiên vương thuận theo ý trời lấy tình mà trị dân, rồi lễ thì sẽ chết, được lễ mới có thể sanh tồn. Trong Kinh Thi viết: “Người không có lễ nghi, sao không chết đi”. Cho nên thánh nhân dùng lễ để biểu thị, nên thiên hạ đất nước có thể dùng nó mà đường hướng mọi việc ngay chính, vì vậy lễ là nền tảng để trị quốc của nhà vua, dùng nó để điều hành chính sự và ổn định địa vị quân chủ, nhà vua dùng nghĩa là tiêu chuẩn để điều hành, thứ tự của lễ là dùng nó để bồi dưỡng tình người. Tình người giống như ruộng đất của vua, vua dùng lễ theo thứ tự cày ruộng, tuyên truyền đạo lý nghĩa để gieo hạt giống, giảng dạy lễ nghi là để giầy cỏ, dùng lòng nhân để thu hoạch, dùng âm nhạc để họ bình yên vô sự. Trị quốc không dùng lễ như không có nông cụ để làm ruộng, thì hành lễ chế mà không lấy nghĩa làm nền tảng thì giống như cày ruộng mà không gieo hạt giống, thực hành nghĩa mà không diễn tập giống như sau khi gieo hạt giống mà không giầy cỏ, diễn tập không dùng nhân kết hợp cũng giống như chỉ giầy cỏ không đi thu hoạch; Sau khi dùng nhân kết hợp mà không dùng nhạc để an định, giống như thu hoạch mà không ăn, dùng nhạc an định mà không đạt đến cảnh giới hòa thuận hợp nhất, giống như đã ăn mà thân thể không cường tráng lên. Tứ chi phát dục bình thường, da thịt đầy đặn, đây là con người cường tráng, cha con tình cảm sâu đậm, anh em hòa mục, vợ chồng hòa thuận, là một gia đình khỏe mạnh. Quan lại chức lớn giữ pháp, chức nhỏ thanh liêm, quan chức an bài hợp lý, vua và bề tôi đôn đốc lẫn nhau, thì

đất nước hưng thịnh. Nhà vua dùng đức làm xe, dùng nhạc làm điều khiển, chư hầu dùng lễ qua lại lẫn nhau, đại phu dùng pháp lệnh để xử lý chính sự. Kẻ sĩ dùng thành tín để kiểm tra công trạng lẫn nhau, lão bá cùng sống chung thân thiện hòa mục, đây là thiên hạ hưng thịnh, đây cũng gọi là đại thuận, như thế không có tai họa lũ lụt hạn hán và sâu bọ phá hoại, lão bá tánh sẽ không phát sanh đời khổ và không có người tà ác gây tai họa. Vì vậy trời không che kín thiên đạo, đất cũng không cất giấu kho báu, người sẽ không giấu chân tình, như vậy trời sẽ giáng xuống cam lộ, đất sẽ phun ra suối nước ngọt, trong núi sẽ cho ra những vật tư để chế tạo đồ vật xe cộ, trên sông Hoàng hà sẽ xuất hiện con long mã trên lưng có nét vẽ, phụng hoàng kỳ lân cũng xuất hiện ở ngoại thành, rùa và rồng xuất hiện đầm hồ trong cung, nhưng con chim thú còn bé, có người trộm nhìn cũng không sợ hãi, đây không phải là không có nguyên nhân mà là do tiên vương thông qua lễ quán triệt tinh thần của nghĩa, bản thân phải thành tín mới thuận theo thiên lí nhân tình, cho nên đây là thuận theo tình lý mà có được quả lớn.

LỄ KHÍ

Lễ là có thể tiêu trừ các tâm tà vạy, tăng thêm phẩm tính tốt đẹp, ứng dụng trong ngôn hạnh làm người thì không chỗ nào không chính đáng, làm việc gì cũng thông suốt không chướng ngại. Lễ nói về cách làm người thì giống như cây tre mà vỏ bên ngoài màu xanh; như cái lòng(lõi) của cây tùng cây bách, hai thứ này là căn bản cho sự sanh tồn của thực vật trong thiên hạ, qua 4 mùa khảo nghiệm, mà không thay đổi cây thẳng đứng cành lá xanh tươi. Cho nên người quân tử có lễ thì bên ngoài dung nghi hài hòa, bên trong tâm không oán hận. Vì vậy vạn vật không điều gì

là không có lòng nhân, quỷ thần cũng nhờ đó mà được hưởng mỹ đức. Các tiên vương chế định lễ là vừa có nguyên tắc căn bản vừa có hình thức bên ngoài. Trung tín là nguyên tắc căn bản của lễ; nghĩa lý là hình thức bên ngoài. Không có nguyên tắc căn bản, thì lễ cũng không thể thành; không có hình thức bên ngoài, thì lễ không thể thực hành. Lễ phù hợp với thiên thời, phối hợp với đất để sanh sản ra tài lợi, thuận với quỷ thần, hợp với lòng người, hiểu được vạn sự vạn vật. Cho nên, trời không sanh, đất không nuôi dưỡng, quân tử không dùng tế phẩm làm lễ thì quỷ thần không muốn hưởng. Vì vậy thời xưa tiên vương chế định lễ, thể hiện ý nghĩa là dựa vào tài vật để biểu hiện lễ. Cho nên cử hành tế tự phải thuận theo thiên thời, cử hành tế tự buổi sáng hoặc buổi tối phải căn cứ vào vận hành của mặt trời mặt trăng mà tiến hành. Tế tự trời trên cao thì nhờ vào đồi núi; tế tự đất thì nhờ vào sông rạch. Mượn vật của thiên sanh mà tế trời, mượn vật của địa sản để tế đất, dựa vào danh sơn tế thiên, dựa vào kiệt thổ ngoài thành tế thượng đế. Tế thiên thì phượng hoàng giáng lâm, quy long sẽ đến; tế thượng đế, thì phong điều vũ thuận. Cho nên thánh nhân chỉ cần quay mặt hướng nam mà lập, thương hạ sẽ thái bình. Vì vậy tiên vương chế định lễ là dùng để tiết chế sự vật, dùng nhạc để chỉ dẫn tánh thiện, cho nên chỉ cần quan sát lễ nhạc của một nước thì có thể biết tình hình nước đó.

NỘI TẮC

Con cái phụng dưỡng cha mẹ, gà vừa gáy sáng, phải lập tức thức dậy rửa mặt súc miệng, chải tóc đội mũ, đội mũ chỉnh tề, thắt dây mũ ngay ngắn, y phục, thắt lưng tề chỉnh, lấy tấm thẻ (cái thốt) cắm vào thắt lưng. Hai tay phải mang những vật dụng cần thiết, đi đến phòng cha mẹ, cha mẹ chồng, đến chỗ của họ để thỉnh

an. Cho nên phải nói khẻ ôn hòa mà hỏi thăm sức khỏe và hỏi họ cần những thứ gì mà cung kính đưa cho họ, phải nhu thuận ôn hòa thăm hỏi. Nếu cha mẹ có lỗi lầm gì, sắc mặt vui vẻ nhu thuận hòa nhã mà can gián, nếu như can ngăn cha mẹ không nghe thì càng phải giữ thái độ cung kính hiếu thuận hơn, đợi khi cha mẹ vui vẻ rồi lại can gián, nếu cha mẹ lại nổi giận không vui thậm chí đánh ta chảy máu, cũng không oán hận, mà vẫn cung kính hiếu thuận. Cha mẹ tuy đã mất rồi, phận làm con phải làm việc tốt, nghĩ đến việc này muốn cho cha mẹ để lại tiếng thơm thì nhất định làm cho thành công. Tăng tử nói: “Khi hiếu tử phụng dưỡng cha mẹ già thì phải làm cho mắt và tai cha mẹ vui vẻ, làm cho cha mẹ được thoải mái khi ngủ nghỉ, đồ ăn thức uống phải thích hợp và tận tâm phụng dưỡng cha mẹ, những điều cha mẹ yêu thích thì ta yêu thích, những điều cha mẹ kính trọng ta cũng phải kính trọng, khuyên mã(con chó, con ngựa) còn như thế hà huống là người”.

NGỌC TẢO

Mùa màng thu hoạch không nhiều, nhà vua mặc y phục giản dị, đi xe đơn giản, khi ăn cũng không tấu

nhạc, vua không có việc tế tự thì không giết bò, đại phu không cúng tế không giết dê, kẻ sĩ không cúng tế không giết lợn, chỗ nhà vua ở rời xa nhà bếp. Phàm là việc giết động vật có máu thì bản thân không tự tay làm.

ĐẠI TRUYỀN

Thánh nhân ngồi hướng mặt về phương nam mà thống trị thiên hạ, trước tiên là làm 5 việc, việc cai

quản nhân dân không bao gồm trong đó. Một là cai quản tốt mối quan hệ trong gia tộc, hai là báo đáp người có công, ba là tuyển chọn người có hiền tài, trọng dụng những người có năng lực xuất chúng, tìm hỏi xem xét và trọng dụng người có lòng nhân ái. Năm điều này áp dụng làm tốt trong thiên hạ, thì muôn dân không ai mà không hài lòng, sẽ vô cùng sung túc. Trong 5 điều này có một điều làm sai lầm thì muôn dân không có sống được cuộc sống tốt đẹp. Thánh nhân hướng mặt phương nam thống trị thiên hạ, nhất định là phải bắt đầu từ đạo luân thường, quy phạm đạo đức của nhân là thương yêu người thân của mình, yêu thương người thân của mình cho nên mới tôn kính tổ tiên, tôn kính tổ tiên thì mới kính ái dòng tộc, kính ái dòng tộc, thì dòng tộc cùng nhau đoàn kết, người trong dòng tộc đoàn kết thì lễ trong tông miếu mới nghiêm túc, tông miếu nghiêm túc thì sẽ kính trọng các thần như thần đất thần lúa. Kính trọng các vị thần thì thân thiện nhân ái muôn dân, thân thiện muôn dân thì hình phạt sẽ công bằng và hợp lý, hình phạt công bằng hợp lý thì dân mới an cư lạc nghiệp, muôn dân an cư lạc nghiệp thì tài vật sung túc, tài vật sung túc thì tất cả nguyện vọng được thực hiện, tất cả nguyện vọng được thực hiện thì các loại lễ nghi là có chuẩn mực, lễ nghi có chuẩn mực thì muôn dân sẽ hoan lạc. trong kinh Thi có viết: “Công lao sự nghiệp vĩ đại của Văn vương rực rỡ, truyền đi khắp nơi, người đời sau mãi mãi kính trọng ông ta” điều muốn nói chính là đạo lý này.

NHẠC KÝ

Phạm âm thanh mà nổi lên là do trong nội tâm của con người hoạt động sinh ra. Nội tâm hoạt động là kết quả

ảnh hưởng vật bên ngoài, tâm người có cảm vật bên ngoài mà sản sinh hoạt động, vì vậy mà biểu hiện thành âm thanh.

Nhạc là do âm mà ra, nguồn gốc của nó là nội tâm con người cảm nhận vật bên ngoài. Vì vậy khi con người trong lòng bi ai, thì âm thanh buồn mà mềm yếu; khi trong lòng vui vẻ thì âm thanh thư thái mà thông thả; khi lòng hân hoan, thì âm thanh sẽ cao vút trôi chảy. Khi trong lòng phẫn nộ thì âm thanh sẽ gắt gỏng mà dữ dội. Trong lòng kính cẩn thì âm thanh thẳng thắn khiêm hòa; khi trong lòng cảm nhận ái mộ yêu thương thì thanh âm ấm áp dịu dàng. Sáu loại tâm lý đó không phải bản tính của con người, mà do cảm nhận từ vật bên ngoài mà sanh ra. Vì thế tiên vương vô cùng xem trọng sự việc cảm động lòng người, cho nên dùng lễ chỉ dẫn chí hướng của mọi người, dùng nhạc để điều hòa âm thanh, dùng chính lệnh để cai quản hành động, dùng hình phạt để phòng ngừa hành động gian tà; mục đích cuối cùng của lễ, nhạc, hình phạt, chính trị chỉ là một đó là thống nhất lòng dân, thực hiện thiên hạ đại trị. Phạm là âm đều từ nội tâm con người sinh ra, tình cảm trong nội tâm xao động sẽ phát ra âm thanh(tiếng). Âm điệu theo quy luật biến hóa mà có văn vẻ thì gọi là âm nhạc. Âm nhạc thời thái bình thì yên vui, vì vậy chính trị bình hòa; âm nhạc của thời loạn thì ai oán giận dữ, chính trị lừa dối; âm nhạc của nước mất thì bi ai, đau buồn, vì muôn dân lâm vào cảnh khốn cùng. Quy tắc của âm nhạc là liên thông với chính trị. Cung là vua, Thương là bầy tôi, Gốc là dân, Chủy sự việc, Vũ là vật. Năm âm này không hỗn loạn thì sẽ hài hòa trong âm thanh. Cung âm loạn thì hiện thị sự ly tán, vua kiêu ngạo; Thương âm mà loạn thì hiện ra đảo lộn thì bầy tôi bại hoại. Giốc âm mà loạn thì hiện ra đau buồn muôn dân oán hận. Chủy âm mà loạn thì bi ai, công việc mệt

mỗi. Vũ âm mà loạn thì nguy hiểm, tài vật thiếu hụt. Cả năm âm đó mà loạn, thì phát sanh những âm không trật tự thì gọi là “mạn âm”. Nếu xuất hiện hình huống này, thì đất nước đó có ngày sẽ diệt vong.

Âm nhạc của nước Trịnh và nước Vệ là loại âm nhạc làm hỗn loạn xã hội cũng gần giống như “mạn âm”. Âm nhạc vườn dâu trên sông Bộc là âm nhạc mất nước, vì chính trị lúc đó lỏng lẻo, muôn dân lưu vong, quan lại thì lừa gạt, người trên bao che kẻ dưới, làm việc riêng tư bất hợp pháp, mà không ngăn cấm. Chỉ biết thanh mà không biết âm điệu là cảm thú; biết âm điệu mà không hiểu thanh là dân thường. Chỉ có bậc quân tử mới hiểu âm nhạc, biết xem xét âm nhạc và hiểu được âm điệu, hiểu được âm nhạc là hiểu chính trị, như vậy thì cách thức trị quốc mới hoàn bị. Vì vậy mà người không biết thanh thì không thể bàn về âm được với họ; người không biết âm điệu thì không thể bàn về nhạc với họ được. Người hiểu được nhạc tức là gần với lễ vậy. Lễ và nhạc đều được thì gọi là có đức. Nhạc long trọng không phải là âm nhạc cao điệu nhất, lễ tiết của tiệc lớn không phải tập hợp các loại mỹ vị. vì vậy mà tiên vương chế định ra lễ nhạc không phải thỏa mãn dục vọng của cái bụng và cái lỗ tai của mọi người, mà là dạy cho muôn dân phân biệt thương ghét, trở lại làm người ngay thẳng.

Bậc tiên vương chế định lễ nhạc, để tiết chế hành vi của con người. Quy cách của tang phục, than khóc lấy lễ tiết việc tang mà quy định. Chuông trống múa hát lấy hòa bình an ổn làm vui. Hôn nhân lễ nghi đội mũ cài trâm để phân biệt nam nữ. Nghi lễ ăn uống là điều chỉnh trong sự giao tiếp với nhau. Dùng lễ để tiết chế lòng người, dùng nhạc để điều hòa âm thanh của muôn dân. Chính trị như vậy được thi hành, dùng hình phạt để phòng ngừa. Lễ, nhạc, hình

phạt, chính trị, 4 việc này không tương phản mà khơi thông lẫn nhau, thì vương đạo hoàn bị vậy. Nhạc từ nội tâm phát ra, lễ biểu hiện bên ngoài. Đại nhạc tất là phải bình dị. Đại lễ tất là phải giản dị. Nhạc giáo thông hành thì mọi người trong lòng không oán. Lễ giáo thông hành mọi người ắt không không tranh giành.

Các thánh vương thời xưa dùng thái độ khiêm cung nhường nhau trị thiên hạ, chính là vận dụng lễ nhạc. Đại nhạc hòa cùng với trời đất, Đại lễ có trật tự trời đất. Hòa nên vạn vật không mất, có trật tự nên thờ trời tế đất, nhân gian có lễ nhạc, cõi âm thì có quỷ thần, vì thế trong bốn biển cung kính và yêu mến lẫn nhau. Vua việc lớn đã thành thì mới tác nhạc, chính trị an định thì mới chế lễ. Năm đời hoàng đế (ngũ đế) không đồng thời đại, thì người sau không dùng âm nhạc thời đại trước. Ba đời vua chúa (tam vương) không cùng thời đại, thì người đời sau cũng không theo lễ nghi thời trước. Cho nên thánh nhân tác nhạc thuận với thiên thời, chế lễ khế hợp với địa lý. Lễ nhạc mà đúng đắn thì hoàn bị, cũng chính là trời đất phát huy chức năng của mình. Địa khí lên cao, thì thiên khí sẽ thấp, sấm chớp lại cỏ động, mưa gió làm phấn chấn, bốn mùa vận chuyển, mặt trời mặt trăng chói rọi, vạn vật từ đó mà sanh trưởng, vì vậy có thể thấy được, nhạc là hài hòa với trời đất, lễ là dùng để tiết chế hành vi quá đáng. Vì vậy tiên vương có tang sự, thì nhất định dùng lễ để tiết chế sự bi ai, phàm là có việc vui cũng dùng lễ để tiết chế hoan lạc. Mức độ bi ai và hoan lạc đều dùng quy phạm của lễ để hạn chế. Vì vậy mà thánh vương thời xưa lấy những tính tình căn bản của con người làm y cứ đề khảo chứng pháp lệnh, chế định ra lễ nghi để âm dương hài hòa, tuân theo quy luật vận hành của ngũ hành cho dương khí không thất tán, âm khí không tắt nghẽn, cương khí mạnh không bạo phát, nhu khí hòa thuận mà không sợ

hải, bốn phương diện này kết hợp nhuần nhuyễn bên trong nội tâm rồi biểu hiện ra bên ngoài, mỗi thứ đều an thủ vị trí của mình mà không lẫn lút lẫn nhau. Đất cần cỗi, thì cỏ cây không thể sanh trưởng, nước chảy không an định, cá,ba ba cũng không lớn; khi trời đất suy kiệt thì sinh vật không thể sanh trưởng, thế đạo hỗn loạn, thì lễ nghi bại hoại, âm nhạc dâm dăng, lúc đó âm nhạc bị ai không trang trọng, hoan lạc mà không an định, đơn giản mà mất đi tiết tấu, phóng túng mà mất đi bản tánh, như thế thì ảnh hưởng thiện khí, từ đó bình hòa tánh đức bị mất đi. Vì vậy quân tử xem thường loại âm nhạc này. Phàm là âm thanh gian tà làm nhiễm cho người thì có khí nghịch tương ứng; khí nghịch một khi hình thành, thì âm nhạc dâm loạn sẽ xuất hiện. Thuần chánh cảm động người, thì có khí hòa thuận ương ứng, khí hòa thuận một khi đã hình thành, thì âm nhạc điều hòa sẽ xuất hiện. Có xướng thì có ứng với hòa, những khúc tà và chánh thì có phân loại nhất định, nguyên lý của vạn vật đều là cảm động lẫn nhau giữa sự vật cùng loại. Vì thế, người quân tử căn cứ vào bản tánh của mình để điều tiết tâm thái bản thân mình, đối chiếu thiện ác để hoàn thiện đức hạnh của bản thân. Những thanh sắc gian tà không để vào tai và mắt, âm nhạc dâm dăng và lễ nghi tà ác, trong tâm không tiếp nhận, những tập khí biếng nhác, kiêu ngạo, tà bậy không tiêm nhiễm lên thân thể, khiến cho tai mắt, mũi miệng, tâm trí mỗi bộ phận đều hòa thuận, thuần chánh theo đạo nghĩa mà hành động; sau đó dùng âm thanh biểu đạt ra; dùng âm của đàn cầm và đàn sắt cùng tấu nhạc mà nhảy múa (điệu múa võ, điệu múa văn), thối ông tiêu cùng tấu nhạc để phát huy mạnh phẩm đức cao thượng nhất, điều động khí bốn mùa hài hòa, tỏ rõ nguyên lý của vạn vật. Vì vậy mà loại âm nhạc này lưu hành làm luân lý sáng tỏ, khiến người nghe thính mắt

trình, tâm bình khí hòa, có thể sửa đổi phong tục xã hội, khiến thiên hạ đều yên lòng.

Ngụy Văn hầu hỏi Tử Hạ rằng: “Khi nghe cổ nhạc (nhạc thời xưa) tôi mặt triều phục, chỉ e sợ buồn ngủ. Nhưng nghe âm nhạc nước Trịnh, nước Vệ trái lại không biết mệt mỏi. Xin hỏi, nghe nhạc thời xưa tại sao có cảm nhận như vậy? mà nhạc mới (nhạc Trịnh và nhạc Vệ) lại dễ nghe như vậy, là tại sao?”.

Tử Hạ đáp: “Hiện tại Ngài hỏi là nhạc, nhưng mà Ngài yêu thích là âm, hai thứ này gần giống nhau nhưng không tương đồng”. Văn hầu hỏi: “xin hỏi tại sao khác nhau?”. Tử Hạ đáp: “Thời xưa trời thuận với đất, bốn mùa hòa hợp dân chúng có đức, ngũ cốc bội thu, không có tật bệnh cũng không có các việc kỳ quái xuất hiện, đây gọi là thiên hạ thái bình. Sau đó thánh nhân xuất hiện, chế định ra danh phận quân - thần, cha - con làm cang thường. Cang thường xác định rồi thì thiên hạ an định, sau đó chế 6 luật, điều hòa 5 âm diễn tấu nhạc khí để ca hát, làm thơ, tán tụng. Đây gọi là đức âm, đức âm cũng gọi là nhạc. Hiện nay Ngài yêu thích, đại khái là mê muội âm nhạc. Âm nhạc của nước Trịnh lắng lơ khiến tâm chí người ta trụy lạc. Âm nhạc của nước Tống thì du dương khiến cho tâm chí con người mê muội. Âm nhạc nước Vệ thì dồn dập khiến tâm chí con người bức dọc. Âm nhạc của nước Tề kiêu căng khiến tâm chí con người ngang tàng. Bốn loại âm nhạc này khiến cho con người mê đắm thanh sắc mà hại đức hạnh, cho nên tể tự đều không dùng loại nhạc này. Người làm vua, đối với thương ghét bản thân phải vô cùng thận trọng. Vua mà yêu thích cái gì là bấy tôi sẽ đi làm. Người ở địa vị cao làm gì thì dân chúng sẽ theo đó mà làm theo. Trong *Kinh Thi* có viết: “Dẫn bảo bá tánh là rất dễ” đây là nói cho việc này. Người quân tử

cho rằng: “Lễ nhạc không thể xa lìa thân tâm con người, nghiên cứu nhạc lí có thể sửa trị tâm tánh. Nghiên cứu lễ nghi có thể quy phạm hành vi con người. Trong nội tâm nếu có khoảng khắc không bình hòa không vui, tâm dễ hèn dối trá sẽ vào; diện mạo bên ngoài có khoảng khắc không cung kính không trang nghiêm ý niệm sơ suất kiêu căng sẽ xuất hiện. Vì vậy nhạc là cảm động bên trong, lễ là điều chỉnh hành vi bên ngoài. Quan trọng nhất của nhạc là khiến con người hiệp hòa, tác dụng quan trọng nhất của lễ là dạy người kính cẩn nghe theo, nội tâm hài hòa, bên ngoài kính cẩn, như vậy thì người khác nhìn thấy vẻ mặt của họ sẽ không tranh đấu, thấy dung mạo lễ nghi của họ thì không sanh ra ý nghĩ lãnh đạm, cho nên khi diễn tấu nhạc tế tự trong tông miếu quân thần trên dưới đều cùng thưởng thức, không có ai mà không cung kính. Khi diễn tấu ở đồng tông cộng tổ, thì lớn nhỏ cùng thưởng thức, không ai mà không cung thuận; khi diễn tấu trong nội bộ gia đình thì cha con anh em cùng thưởng thức không ai mà không gần gũi. Cho nên nhạc dùng để hòa mục quan hệ vua tôi, cha con, khiến cho muôn dân thân cận quy về nương tựa. Đây chính là điểm xuất phát mà thánh vương thời xưa thiết lập nhạc giáo.

TẾ PHÁP

Nguyên tắc mà Thánh vương chế định tế tự, phàm là những gương điển hình được muôn dân thờ cúng, Thờ

cúng những người vì công chúng và đất nước mà hy sinh, thờ cúng những người có công an bang trị quốc, chiến thắng tai họa lớn, có thể ngăn chặn bảo vệ đất nước khỏi gặp phải họa loạn. Cho nên, thời Lê Sơn thị thông trị thiên hạ, con trai ông gọi là “Nông”,

biết trồng các loại cây lương thực; tới thời Hạ suy vong, tổ tiên người Chu tiếp tục sự nghiệp làm nông, cho nên người đời sau gọi là thần Tắc(thần lúa)mà cúng tế; thời Cung Công thị hùng bá cử châu, con trai ông gọi Hậu Thổ, có thể an định thiên hạ, cho nên người đời sau tôn là Xã thần mà cúng tế, Đế Khốc có thể tính được vận hành của mặt trời mặt trăng, ngôi sao (tinh tú); vua Nghiêu có thể làm được thưởng phạt nghiêm minh, vua Thuấn cần mẫn cùng dân chúng làm việc, Cỗn (cha vua Hạ Vũ) vì dân mà ngăn ngừa hồng thủy, vua Vũ có thể kế tục sự nghiệp vua Cỗn ngăn ngừa nạn ngập lụt, Hoàng Đế vì một trăm vật mà định tên gọi, Chuyên Húc có thể sửa những tên gọi này. Tiết (Khiết) làm quan tư đồ hoàn thành giáo hóa dân chúng, đạo đức của muôn dân tu dưỡng rất hoàn mỹ, Minh làm quan tinh cần làm tròn chức vụ mà bị chết chìm trong nước, Thương lấy đạo khoan dung nhân hậu trị dân và có thể diệt trừ những thành phần bạo ngược trong chính lệnh, Văn Vương dùng văn trị quốc, Vũ vương dùng vũ công vì dân mà diệt trừ tai họa. Những vị này đều là những người có công với nhân dân. Thậm chí mặt trời mặt trăng, ngôi sao dân chúng xem như thần mà ngưỡng vọng; Sơn lâm, sông hồ, cây lương thực, đồi núi là những bảo địa mà dân chúng thu được tài vật, những thứ này đều không giống như những người ở phần trên thuật, vì thế mà không được mọi người cúng tế.

TẾ NGHĨA

Tế tự đừng quá nhiều lần, quá nhiều lần sanh ra phiền toái, phiền thoái thì sẽ thất lễ. Tế tự cũng đừng lưa thưa, quá lưa thưa thì sẽ không chu đáo, không chu đáo sẽ mau quên. Vì vậy quân tử theo qui luật vận hành tự nhiên của mùa vụ mà tế tự: Mùa xuân

tế Đế, mùa thu tế Thường, mùa thu sương rơi xuống mặt đất, quân tử bước đi giẫm trên sương, thì nhất định cảm nhận lạnh lẽo bi thương, đây không phải sự lạnh lẽo của sương. Mùa xuân mưa và sương làm ướt mặt đất, quân tử giẫm lên đất ẩm ướt, nhất định cảm nhận được lo lắng cảnh giác, cũng giống như sắp gặp người thân đã mất. Dùng tâm an vui để đón người thân đến, dùng tâm bi ai để tiễn người ra đi. Trước khi cúng tế phải tiên hành trai giới, lúc trai giới ngày đêm ở trong nhà, qua ngày trai giới có thể đi ra ngoài. Ngày trai giới phải nhớ tưởng đến dung mạo người chết khi còn sống như là nhớ lời nói nụ cười, tư tưởng, sở thích, chí hướng, trai giới ba ngày thì có thể thấy được hình tượng của tổ tiên mà mình tế tự. Vào ngày tế tự đó, khi bước vào nhà thờ cúng thấp thoáng như nhìn thấy được dung mạo tổ tiên. Khi bước ra ngoài cũng thấp thoáng nghe được tiếng thở dài của tổ tiên. Vì thế khi tiên vương hành đạo hiếu với người thân, thì mắt không rời nghi dung người thân. Âm thanh của người thân không rời tai, tư tưởng và sở thích của họ khắc ghi trong lòng, như vậy dám không hiếu kính sao? Quân tử đối với cha mẹ khi còn sống cúng kính phụng dưỡng, sau khi mất cúng kính cúng tế, chỉ có thánh nhân có thể thờ cúng trời, người con hiếu thảo thờ cúng cha mẹ đã mất. Nguyên nhân mà tiên vương trị được thiên hạ là có 5 đức tính sau: Quý trọng người đức hạnh, tôn trọng người địa vị tôn quý, tôn trọng người già, tôn kính người lớn tuổi, yêu mến và bảo hộ trẻ nhỏ, 5 điều này là tiền đề để tiên vương an định thiên hạ. Tôn trọng người có đức vì người có đức gần với nhân đạo, tôn trọng người địa vị tôn quý vì họ gần với quân tử. Tôn trọng người già vì họ gần gũi cha mẹ (của mình). Tôn kính người già vì họ gần gũi huynh trưởng (của mình), ái hộ trẻ nhỏ vì gần con cái (của mình). Tăng tử nói: “Thân thể của ta là do cha mẹ

sanh ra, dùng hình hài cha mẹ sanh ra mà hành sự, thì dám không kính sao? Cử chỉ thường ngày không trang nghiêm là không phải là hiếu. Phụng sự vua không trung thành không phải hiếu, là quan lại không thận trọng không phải hiếu. Giao lưu bạn bè không tin tưởng không phải hiếu, ra trận chiến không dũng cảm là không hiếu. Năm điều này không làm được thì đồng với việc làm liên lụy tai ương đến cha mẹ, ta dám không kính cần sao? Tinh thần hiếu phải phổ biến rộng khắp thiên hạ, phân bố rộng ra có thể lưu hành trong khắp mọi nơi, đem đạo hiếu này cho người đời sau cũng thực hành theo, làm cho đạo hiếu không có thời gian ngừng nghỉ. Trong *Kinh Thi* có viết: “Từ đông sang tây, từ bắc tới nam không ai mà không tuân theo”. Lời nói này chính là nói việc này. Hiếu có ba thứ bậc: Tiểu hiếu dùng sức lực, trung hiếu dùng công sức, đại hiếu không thiếu sót gì. Nhớ nghĩ đến công ơn dưỡng dục và yêu thương của cha mẹ mà quên đi vật vã mệt nhọc của bản thân phụng dưỡng cha mẹ, đây là dùng sức lực; tôn trọng nhân đức, an nhiên theo đạo nghĩa mà làm việc. Đây là lập nên công lao sự nghiệp, mở rộng đức giáo khắp nơi để mọi người được cơm no áo ấm, mọi người đều có đủ đồ vật để thờ cúng cha mẹ, đây là không thiếu sót gì. Cha mẹ yêu thương ta, phận làm con phải vui mừng ghi nhớ trong lòng không quên; cha mẹ ghét bỏ, phận làm con càng thận trọng hơn không được oán trách; cha mẹ có lỗi, phải dịu dàng khuyên can mà không ngỗ ngược; sau khi cha mẹ mất, nhất định mang vật phẩm của người con có lòng nhân đức để cúng tế cha mẹ. Đây là trọn đời phụng hành lễ hiếu. Nhạc Chánh Tử Xuân bước ra phòng khách bị trật chân, mấy tháng liền không ra khỏi nhà, sắc mặt lo lắng buồn bã, học trò của ông ta hỏi: “Chân thầy đã đỡ nhiều rồi, mấy tháng không ra khỏi nhà, bây giờ về mặt còn buồn rầu là nguyên nhân gì vậy?” Nhạc

Chánh Tử Xuân đáp: “Ta từng ở chỗ Tăng tử nghe qua: Cha mẹ sanh ra con cái lành lặn, con cái chết lành lặn để trả lại cha mẹ, đây chính là hiếu rồi. không làm tổn hại thân thể, không làm ô nhục thanh danh của bản thân, đây chính là hiếu trọn vẹn. Hiện nay ta lại quên mất đạo hiếu, vì vậy mà sắc mặt buồn rầu. Mỗi một bước đi không dám quên cha mẹ. Mỗi khi nói năng đều không dám quên cha mẹ. Mỗi khi cất bước đi không dám quên cha mẹ, vì vậy mà đi đường lớn không đi đường nhỏ, đi thuyền chớ bơi lội qua sông, vì không dám dùng thân thể của cha mẹ ở trong ta mà đi mạo hiểm. Mỗi lời nói không dám quên cha mẹ, vì vậy không nói ra lời ác, và không nhận những lời phẫn nộ của người khác để trong lòng. Không ô nhục thanh danh bản thân là không làm xấu hổ cha mẹ, đây có thể gọi là hiếu rồi”.

Vua Nghiêu, Hạ, Ân, Chu đều là những vị vua anh minh của thiên hạ đất nước hưng thịnh, họ cũng không quên người lớn tuổi. Vì thế mà khi vua đi tuần hành, chư hầu ra vùng biên giới của mình để đợi đón rước nhà vua đến. Sau khi nhà vua đến, trước tiên là đi thăm người già trăm tuổi.

TẾ THỐNG

Tất cả những phương sách trị dân, không gì cần thiết bằng lễ. Lễ có năm điều, trong đó không gì quan trọng hơn là tế. Lễ tế không phải là vật tế từ bên ngoài mà là hành vi xuất phát từ trong tâm. Trong tâm thường có cảm niệm sâu sắc thông qua lễ để biểu thị, chỉ có lòng chân thành của bậc hiền giả mới có thể thực hiện đầy đủ ý nghĩa của lễ tế, vì vậy quân tử thực hành giáo hóa, dạy người bên ngoài phải tôn kính vua và các bậc tôn trưởng, bên trong thì hiếu kính cha mẹ, vì thế quân

tử phụng sự vua thì nhất định bản thân thực hành, đối với sự việc người trên làm khiến bản thân cảm giác không an, thì đối với người dưới mình không làm như thế, việc gì mình ghét người dưới, thì không làm điều này với người trên. Nếu như phê bình người khác làm như vậy là không tốt, nhưng bản thân lại làm như vậy, đây là không phù hợp nguyên tắc giáo hóa, vì vậy người quân tử giáo hóa, nhất định phải từ bản thân mà bắt đầu làm, thì mới có thể thuận lợi đạt đến mục đích, Tế lễ đại khái chính là như vậy, cho nên nói tế lễ là căn bản giáo hóa. Tế lễ mà không có tâm cung kính, thì sao mà lễ tế đây.

KINH GIẢI

Bậc thiên tử cùng tham dự với trời đất, cho nên ân đức của thiên tử phối hợp với trời đất, thì vạn vật cảm nhận được sự lợi ích, giống như mặt trời mặt trăng chiếu ra ánh sáng, chiếu sáng khắp thiên hạ, không sót một vật gì. Khi ở trên triều đình lấy nhân thánh lễ nghĩa làm thứ tự; khi an tĩnh nghỉ ngơi thì nghe âm nhạc loại Nhã và Tụng; khi bước đi thì có tiếng ngọc đeo trên mình phát ra âm thanh, khi lên xe thì có tiết tấu âm thanh treo trên xe, nhất cử nhất động lúc nào cũng hợp lễ nghi, triều đình trăm quan an bài thỏa đáng, vạn vật trong thiên hạ rành mạch phân minh. Trong Kinh Thi nói: “Bậc quân tử chấp hành lễ nghi trước sau không nhầm lẫn, chấp hành lễ nghi trước sau không nhầm lẫn chính là bốn phương đều an định” ý là như vậy. Ban ra hiệu lệnh, thì muôn dân vui thích thì gọi là hòa; trên dưới thương mến lẫn nhau như người thân gọi là nhân; muôn dân không đưa ra yêu cầu mà điều gì cũng đạt được, gọi là tín; trừ được tai họa trong thiên hạ gọi là nghĩa. Nghĩa và tín, hòa và nhân đây là điều kiện

thiết yếu của bậc bá vương. Có ý muốn trị dân mà không có phương sách thì không thể thành công. Lễ đối với việc trị quốc rất quan trọng giống như cân để xem là nặng nhẹ; như dùng thước búng mực để đo ngay thẳng, dùng compa vẽ hình tròn, cần phải chuẩn, thì không gạt người về trọng lượng. Thước búng mực phải kéo cho chuẩn thì không gạt người, compa và kích thước phải để chính xác thì hình tròn nhìn là thấy rõ ràng. Người quân tử mà thông hiểu lễ nghi thì không dùng lời nói gian dối để gạt người. Không Tử nói: “Muốn an định ngôi vị cai trị muôn dân không phương sách nào tốt hơn lễ” đây chính là nói đạo lý này. Do đó có lễ Triều kiến là dùng để rõ nghĩa vua tôi; chế định lễ Sính(tặng vật dùng vào việc thăm viếng) là vì khiến chư hầu tôn kính lẫn nhau; lễ Tang, lễ Tế là cảm niệm báo ân của kẻ bày tôi và của con cái; lễ Hương ẩm là làm rõ trật tự lớn nhỏ; lễ Hôn nhân để làm rõ khác nhau của nam nữ. Lễ sinh ra là để ngăn sự hỗn loạn, giống như làm đê ngăn lũ lụt vậy. Nếu cho rằng lớp đê cũ không dùng được bỏ đi, tất nhiên gặp ngập lụt; nếu như cho rằng chế định lễ nghi cũ đã không dùng được mà bỏ đi nhất định xảy ra loạn lạc. Vì vậy nếu phé bỏ lễ Hôn nhân thì đạo nghĩa vợ chồng vô cùng khó khăn, tội lỗi gian dân thêm nhiều; nếu phé bỏ lễ Hương ẩm thì không có trật tự lớn nhỏ thì những vụ án tranh giành đánh nhau càng thêm phức tạp; nếu phé bỏ lễ Tang, lễ Tế thì ân nghĩa của bày tôi và con cái sẽ nhạt nhẽo, làm trái lại với người đã mất và quên mất tổ tiên sẽ càng đông; nếu phé bỏ lễ Triều kiến và lễ Sính, thì vị trí vua tôi sẽ sanh hỗn loạn, chư hầu phản nghịch, xâm lấn nổi lên. Cho nên tác dụng giáo hóa của lễ là thay đổi một cách vô tri vô giác(thay đổi ngầm), nó làm cho những ý niệm tà ác khi chưa hình thành mà được cải chính lại, khiến cho mọi người

mỗi ngày gần điều thiện, xa dần tội lỗi mà không tự hay biết. Do đó tiên vương tôn kính lễ giáo. Kinh Dịch viết: “Quân tử phải thận trọng ngay từ đầu, sai một ly đi ngàn dặm” ý là như vậy.

TRỌNG NI YẾN CƯ

Không Tử nói: “Lễ là cái gì? Chính là chuẩn mực để làm một việc gì đó. Trị quốc nếu không có lễ giống như người mù không người giúp đỡ, mù mờ không biết phương hướng nào thì sao mà đi được? Giống như đêm tối trong phòng tối om mà tìm đồ vật, không thắp đèn cây thì làm sao thấy được? Nếu như không có lễ, thì tay chân không biết phải để như thế nào, không biết tai nên nghe cái gì, mắt nên nhìn thấy cái gì, thì lễ tiến tới, lùi sau sẽ không có lễ tiết. Do đó nếu như không có lễ, đời sống hằng ngày trong gia đình không phân biệt lớn nhỏ, trong nội bộ gia đình ba đời không hòa thuận, quan lại trong triều đình không còn trật tự, quân đội vũ lực sẽ mất đi quản lý đúng đắn, cung thất mất đi quy tắc, tang chế mất đi bi ai, chính sự sẽ mất đi phương sách thực thi đúng đắn, tất cả mọi thứ đều mất đi chuẩn mực”.

TRUNG DUNG

Khí chất tự nhiên của con người gọi là bản tính, làm theo bản tính ấy gọi là đạo. Đạo đó được tu dưỡng hoàn thiện gọi là giáo, đạo ấy không thể rời xa một khoảnh khắc nào, đã rời xa thì không phải là đạo, cho nên người quân tử cũng phải thật cẩn thận ngay cả những điều người khác không thấy, lo sợ cả người khác không nghe được khi nói chuyện. Vì không có việc gì giấu kín mà không bị phát hiện, không có việc nhỏ nhặt nào mà không bị phát hiện, cho nên

khi một mình người quân tử cũng phải cẩn thận hành vi của mình. Khổng Tử nói: “Đạo đức trung dung là cao tốt, lâu rồi dân chúng có rất ít người làm được”. Khổng Tử nói: “Không lo không nghĩ gì chỉ có Văn Vương, cha của ông ấy là Vương Quý, có Võ Vương là con, cha gây dựng cơ đồ, con cái thừa kế vương nghiệp. Võ vương noi theo sự nghiệp Thái vương, sự nghiệp vĩ đại của Vương Quý, Văn Vương một mảnh nhưng y mà có cả thiên hạ, danh tiếng vang khắp trong thiên hạ, được tôn là thiên tử, của cải giàu có khắp bốn biển. Sau khi chết được phụng thờ trong Tông miếu, con cháu vĩnh viễn duy trì tể lễ”. Khổng Tử nói: “Võ vương và Chu Công có thể nói là những người đại hiếu. Hiếu chính là giỏi nói tiếp chí nguyện của cha, hoàn thành sự nghiệp mà cha chưa hoàn thành”.

BIỂU KÝ

Khổng Tử nói: “Nhân đức có ba loại, hiệu quả việc thực hành của ba loại này là giống nhau, nhưng động cơ để thực hành lòng nhân thì khác nhau, hiệu quả ba tình huống thực hành này thấy được là như nhau, nhưng động cơ để thực hành thì không thấy được; khi thực hiện nhân mà có những việc liên quan đến lợi và hại thì động cơ thực hành lòng nhân đó thấy rõ ràng. Người có lòng nhân đức thì tuân theo bản tính của mình mà thực hành, người trí biết hành nhân đức có lợi cho bản thân và người lo sợ phạm tội mà miễn cưỡng thực hành nhân đức” Khổng Tử nói: “người quân tử không chỉ căn cứ lời lẽ của một người mà kết luận tính tình của người đó, cho nên, đạo đức trong thiên hạ mà thịnh hành thì mọi người làm nhiều như lá cây. Đạo đức trong thiên hạ không còn thì lời lẽ của mọi người nhiều như lá cây.

Do đó, người quân tử ở bên cạnh những người có tang sự nếu như không trợ giúp tiền của vật chất thì cũng đừng hỏi họ chi phí mai táng bao nhiêu, ở bên cạnh người bệnh không có gì tặng họ, thì đừng hỏi họ có cần thiết thứ gì không; khách xa đến không có chỗ cho họ ở lại, thì đừng hỏi họ ở và nghỉ ngơi nơi nào. Cho nên, người quân tử giao tình qua lại nhạt nhẽo như nước, tiểu nhân giao tình qua lại như rượu thơm; người quân tử giao tình qua lại nhạt nhẽo nhưng có thể hòa hợp thành một thể, giao tình của tiểu nhân nồng hậu nhưng trái lại tổn hại lẫn nhau. Người quân tử không tùy ý lấy lòng người khác, như vậy trong thiên hạ hình thành nếp sống trung thực. Người quân tử nếu hỏi thăm cảnh giá rét của người khác thì sẽ đưa cho họ y phục để mặc, khi hỏi cảnh đói khát của người là cho thực phẩm họ dùng; tán thán người tài đức, thì cho họ chức tước”.

TRI Y

Nếu như người trên không khắc khe dễ phụng sự, người dưới không gian xảo dễ biết rõ, như vậy dùng hình phạt thì không nhiều”. Khổng Tử nói: “Đối với muôn dân dùng đạo đức để giáo hóa, dùng lễ nghi để làm chuẩn mực, thì họ có lòng gần gũi; dùng chính lệnh dạy bảo họ; dùng hình phạt trói buộc họ, thì họ sẽ có tâm chạy trốn. Do đó người cai trị muôn dân, phải yêu thương dân chúng như yêu thương con cái mình, thì dân chúng sẽ gần gũi họ; dùng thái độ thành thật kết giao với dân chúng, thì dân chúng không phản bội họ; dùng thái độ cung kính đối đãi dân chúng thì dân chúng kính cần nghe theo”. Khổng Tử nói: “Người dưới phụng sự người trên, không chỉ thấy họ nói cái gì, mà phải xem họ làm cái gì. Người trên

yêu thích một sự vật nào đó, thì người dưới càng yêu thích nó hơn. Do đó người trên yêu thích cái gì, căm ghét thứ gì thì cần phải hết sức thận trọng, vì họ là tấm gương của muôn dân”. Khổng Tử nói: “Vua Võ lên ngôi ba năm, muôn dân đều lấy lòng nhân theo ông. Trong triều không nhất định đều có lòng nhân, có một người có lòng nhân làm gương cho muôn dân, thì thiên hạ đều có lòng nhân”. Khổng Tử nói: “Người trên yêu thích lòng nhân, thì người dưới tranh nhau làm việc nhân, sợ sẽ rớt sau lưng người khác”. Khổng Tử nói: “Lời nói của vua vốn mềm mại như tơ, một khi truyền ra sẽ biến thành sợi dây lưng to. Lời nói của vua như dây thừng to một khi truyền ra giống như sợi dây to buộc quan tài khi hạ huyệt. Do đó người chấp chính (nhân vật có ảnh hưởng) không nên khởi xướng lời nói trống rỗng, lời có thể nói nhưng không thực hành được thì người quân tử không nói, có thể làm được mà không thể nói ra được thì quân tử cũng không làm. Cho nên lời nói của dân chúng không cao hơn hành động, mà hành động không vượt hơn lời nói”. Khổng Tử nói: “Người quân tử lấy ngôn ngữ mà dạy bảo người, lấy việc làm tốt ngăn cấm người, cho nên muốn nói gì nhất định phải nghĩ kỹ đến hậu quả của nó, làm gì phải xét kỹ đến những chỗ sai sót, như thế thì lời nói và việc làm của dân sẽ cẩn thận. *Kinh Thi* viết: “Lời người nói ra phải thận trọng, đáng vẻ cử chỉ phải đoan chánh”. Khổng Tử nói: “Tâm tư của người trên vừa nhìn là biết được, chí hướng của người dưới có thể thông qua trần thuật mới biết, như vậy thì vua sẽ không hoài nghi bày tôi, bày tôi cũng không mê muội vua của họ. Nếu người trên không phân biệt rõ đúng sai, khiến cho dân nghi ngờ cảm thấy khốn đốn, người dưới có tâm gian dối thì người trên sẽ vất vả, do đó người làm vua phải biểu dương người có đạo đức để hướng dẫn nếp sống của người

dân, cần thận chỉ ra những thứ chán ghét của mình, có thể ngăn cấm dân chúng tham lam, như vậy thì dân chúng sẽ không còn nghi hoặc gì”. Khổng Tử nói: “Đại thần không thể không cung kính vì họ là họ là tấm gương sáng cho muôn dân, cần thận không thể không cẩn trọng, vì họ là người dẫn dắt dân chúng”. Khổng Tử nói: “Người chấp chính nếu như không thân cận những người hiền lương mà tín nhiệm người tiểu nhân đê tiện, thì dân chúng sẽ thân cận người không có đạo đức, vì vậy giáo hóa vì thế mà hỗn loạn”. Khổng Tử nói: “Muôn dân xem vua như trái tim, vua xem muôn dân như thân thể mình, khi tâm thuần chánh thân thể mới thư thái, nội tâm nghiêm túc thì dung nghi tôn nghiêm mà cung kính. Nội tâm có sở thích gì thân thể sẽ đi theo đó mà thích ứng. Vua có sở thích gì thì muôn dân cũng muốn làm được, trái tim nương tựa thân thể bảo hộ mà được khỏe mạnh, cũng vì thân thể không khỏe mạnh mà bị nó tổn thương, bậc vua chúa vì có muôn dân ủng hộ mà được tồn tại, cũng vì sự phản kháng của muôn dân mà diệt vong”.

ĐẠI HỌC

Vua Nghiêu, vua Thuấn lấy nhân đức dẫn dắt thiên hạ, muôn dân cũng theo họ mà noi nhân đức. Vua Kiệt, vua Trụ dùng bạo lực mà cai trị thiên hạ, cho nên muôn dân đều theo đó mà bạo hành làm loạn. Nếu mệnh lệnh của vua trái với sở thích của họ, thì muôn dân sẽ không nghe theo nữa. Vì thế người quân tử bản thân có đầy đủ mỹ đức thì mới yêu cầu người khác có; bản thân không có khuyết điểm thì mới phê phán người khác, tự bản thân mình mà không suy ra người khác, như vậy khiến người khác hiểu được thì đó là điều không thể có. Do đó vua tôn kính thương yêu người già, thì dân chúng sẽ hưng khởi nếp sống hiếu thuận, vua tôn kính bậc trưởng

thượng thì muôn dân mới hưng khởi nếp sống tôn kính huynh trưởng, vua thương xót những người cô độc, thì dân cũng không bỏ rơi họ; những lời nói và hành động nào đó của người trên mà mình ghét thì mình sẽ không làm cho người dưới; điều gì không muốn kẻ dưới đối với mình thì không nên làm với người trên; điều gì không muốn người trước đối xử với mình thì sẽ không làm với người sau; điều gì không muốn người sau đối xử với mình thì sẽ không làm với người trước; điều gì không muốn người bên trái đối xử với mình thì sẽ không đối xử với người bên phải; điều gì không muốn người bên phải đối xử với mình thì sẽ không đối xử với người bên trái; Kinh Thi nói: “Vui thay quân tử, là cha mẹ của dân” điều gì dân thích thì mình thích, điều gì dân ghét thì mình ghét như vậy gọi là cha mẹ dân. Yêu thích điều mà mọi người ghét, ghét bỏ điều mà mọi người ưa thích, như thế là làm trái với bản tánh con người tai họa nhất định sẽ đến thân.

HÔN NGHI

Hôn lễ là lễ nghi dùng để kết hợp tốt đẹp hai họ với nhau. trên thì thờ tông miếu dưới thì nối truyền người đời sau, cho nên người quân tử rất xem trọng nó. Có phân biệt nam nữ thì sau đó mới có nghĩa vợ chồng; có nghĩa vợ chồng thì sau đó mới có tình nghĩa cha con, có tình nghĩa cha con thì sau đó thì vua tôi mới có thể chính đáng. Cho nên nói: “Hôn lễ, lấy lễ làm gốc” đối với lễ mà nói thì lễ bắt đầu từ lễ đội mũ, nhưng gốc vẫn là hôn lễ. Lễ tang lễ tế là quan trọng nhất, lễ triều kiến, lễ sính vì tôn kính, lễ hương xạ là vì hòa thuận, đây là đại nguyên tắc của lễ. Thời xưa thiên tử (vua) ngoài hoàng hậu ra còn thiết lập sáu cung, ba phu nhân, chín tần, hai mươi bảy thế phụ, tám mươi một ngự thiếp, để giữ việc quản lý nội trị cho thiên hạ, để làm sáng cái đức tính hiền hậu nhu thuận của người phụ nữ, vì thế nội

cung hòa thuận nhà yên ấm. Thiên tử lập sáu cung, ba công, chín khanh, hai mươi bảy đại phu, tám mươi một nguyên sĩ để ngoại trị (kiểm soát việc thiên hạ) làm sáng cái đức giáo hóa của người nam, vì vậy bên ngoài hành chánh hòa bình thiên hạ thái bình. Cho nên nói: “Thiên tử giáo hóa người nam, hoàng hậu giáo hóa đức tính nhu thuận của người phụ nữ; thiên tử quản lý đạo thuộc dương, hoàng hậu quản lý đức thuộc âm; vua thì phụ trách quản lý bên ngoài, hoàng hậu phụ trách quản lý bên trong. Giáo hóa người nam và nhu thuận của người nữ hình thành phong tục, trong ngoài hòa thuận, đất nước an trị tốt đẹp, đây gọi là đức lớn. sự giáo hóa của người nam mà không tốt, thì việc đất nước không thỏa đáng, trên trời sẽ biểu thị khiển trách sẽ xuất hiện nhật thực. đức tính nhu thuận của phụ nữ mà không tu dưỡng tốt thì bên trong không thỏa đáng, trên trời sẽ khiển trách sẽ xuất hiện nguyệt thực, do đó khi xuất hiện nhật thực, thì thiên tử sẽ mặt y phục màu trắng, phải chỉnh đốn chức trách của sáu cung, loại bỏ những sai lầm trong chính sự. Khi xuất hiện nguyệt thực, hoàng hậu mặt y phục màu trắng chỉnh đốn việc của sáu cung triệt để loại bỏ những sai lầm của người nữ. cho nên vua và hoàng hậu, cũng giống như mặt trời và mặt trăng, âm và dương, chỉ có phối hợp lẫn nhau, sau đó mới có thể thành tựu sự nghiệp trị quốc.

XẠ NGHĨA

Thời xưa các chư hầu khi cử hành bắn cung thì trước tiên cử hành lễ Yên. Còn Khanh, Đại phu và Sĩ khi cử hành bắn cung, thì cử hành lễ Hương ẩm tửu, lễ Yên là làm rõ nghĩa vua tôi. Lễ Hương ẩm tửu để làm rõ trật tự đẳng cấp lớn nhỏ. vì vậy mà người bắn tên bất luận là tiến lên, lùi xuống, quay mình phải hợp với yêu cầu của lễ, trong lòng thuận chánh, thân thể

thăng thấn, sau đó mới có thể vươn cung tên lên ngắm tầm bia; ngắm cho chuẩn tầm bia, như vậy mới mong bắn trúng được. Thông qua quá trình bắn cung để thấy được đức hạnh của một người. Khi bắn tên nhịp điệu âm nhạc thì thiên tử dùng nhạc Sô Ngu làm tiết tấu, chư hầu dùng nhạc Ly Thủ làm tiết tấu, đại phu dùng thơ Thái Tân làm tiết tấu và Sĩ dùng thơ Thái Phiên làm tiết tấu, rõ biết hàm ý trong những tiết tấu này, từ đó mà mỗi người làm tốt chức vụ của mình, có như vậy có thể kiến lập sự nghiệp làm gương đức hạnh, đức hạnh được lập rồi thì không có tai họa bạo loạn, sự nghiệp thành tựu thì đất nước được an định. Cho nên nói: “Cử hành lễ bắn cung có thể quan sát được mỹ đức của một người”. Cho nên thời xưa vua lấy việc bắn cung để tuyển chọn chư hầu, khanh, đại phu và sĩ. Bắn cung là việc của người nam nên trang sức bằng lễ nhạc vậy, chỉ là một việc bắn cung mà toàn bộ lễ nhạc bao hàm trong đó, nếu lặp đi lặp lại việc này thì có thể lập đức hạnh, không có việc gì sánh bằng bắn cung, vì vậy mà thánh vương đều xem trọng việc bắn cung. Vì thế, thời xưa vua quy định chư hầu mỗi năm tiến cử người tài và dâng phẩm vật cho vua, trong cung bắn tên, thông qua đó để khảo hạch họ. Nếu đáng vẻ hợp với lễ, tốc độ bắn cung nhanh chậm phù hợp với tiết tấu âm nhạc, số lần bắn trúng ít thì không có tư cách để tham gia tế tự. Nếu số lần bắn trúng nhiều thì tham gia tế tự, chư hầu liền được khen thưởng, nếu nhiều lần không thể tham gia tế tự thì các chư hầu bị khiển trách. Nhiều lần nhận khen thưởng thì có thể phong thêm đất đai, nhiều lần bị quở trách thì sẽ bị cắt giảm đất đai. Cho nên nói: “Vua đại xạ gọi là “xạ hầu”. Xạ hầu là vì chư hầu bắn cung. Bắn trúng có thể làm chư hầu, bắn không trúng không thể làm chư hầu. Cho nên nói việc bắn cung này bao hàm đạo lý nhân nghĩa. Trước khi bắn cung phải yêu cầu

thân tâm của mình phải thuần chánh, thân tâm thuần chánh sau đó mới bắn tên; nếu bắn mà không trúng, cũng không oán trách người bắn tên thắng mình, nên nhìn lại mình và tìm ra nguyên nhân thiếu sót của mình. Không Tử nói: “Phẩm chất cao thượng của người quân tử là không tranh giành với ai, chỉ có tranh đua trong việc bắn tên thôi”.

QUẢN THƯ TRỊ YẾU

QUYỂN 8

*Nhóm Bí Thư Giám, Cự Lộc Nam Thần Ngự Trung vâng lệnh vua
Đường Thái Tông biên soạn.*

CHU LỄ

THIÊN QUAN

Thiên tử (vua) thành lập kinh thành, trước tiên cần phải phân biệt rõ tứ phương, quân vương hướng về phía nam, thần dân hướng về phía bắc, vị trí của triều đình ở giữa, sau đó phân định khu vực kinh thành và ngoại thành, nhằm giúp việc quản lý được dễ dàng; thiết lập bách quan, phân rõ chức trách và địa vị, đồng thời lấy đó làm gương mẫu để muôn dân noi theo. Do đó thành lập một cấp bậc quan hàm thiên quan này, để thiên quan thay quyền lục quan, cai quản điều hành tất cả quan lại, chủ quản thống trị toàn thiên hạ, phụ tá thiên tử kinh bang trị quốc. Sáu loại điển chương, chế độ lập ra nhằm thống trị thiên hạ, để phụ tá thiên tử cai quản thiên hạ: Thứ nhất là trị điển, dùng để quản lý các nước chư hầu, cai quản quan phủ, thắt buộc muôn dân; thứ hai là giáo điển, dùng để làm ổn định các nước chư hầu, chỉ đạo quan phủ, giáo dục và cảm hóa muôn dân; thứ ba là lễ điển, dùng để dung hợp các nước chư hầu, chấn chỉnh các quan lại, khiến muôn dân chung sống hòa hợp; thứ tư là chính điển, dùng để ổn định các nước chư hầu, khiến các quan lại thi hành công tâm, muôn dân cân bằng thuế má phu phen; thứ năm là hình điển, dùng để ngăn chặn các nước chư hầu phiến loạn, trừng phạt và tử hình

những quan lại phạm pháp, đôn đốc muôn dân; thứ sáu là sự điển, dùng để khiến các nước chư cầu giàu mạnh, khiến các quan lại lập công lao, muôn dân được dưỡng dục. Dựa vào 8 loại quyền phụ tá thiên tử thống ngự quần thần: Thứ nhất là tước vị, từ địa vị cao quý thống ngự quần thần; thứ hai là bổng lộc, dùng của cải để thống ngự quần thần; thứ ba là ban thưởng, khiến cho quần thần có thể cảm nhận được sự sủng ái của thiên tử mà thống ngự họ; thứ tư là đặc xá, lấy đức hạnh mà thống ngự quần thần; thứ năm là hậu đãi người già, lấy phúc để thống ngự quần thần; thứ sáu là không thu nhận tài sản, dùng liêm khiết mà thống ngự quần thần; thứ bảy là cách chức tước vị quan lại, trừng phạt tất cả quan lại phạm tội để thống ngự quần thần; thứ tám là xử chết, cho những tội thần để thống ngự quần thần. Dùng tám loại phương sách phụ tá thiên tử trị vì muôn dân: Thứ nhất là thân tộc thân cận; thứ hai là tôn kính bạn bè cũ; thứ ba là tiến cử hiền tài; thứ tư là bổ nhiệm người tài giỏi; thứ năm là khen thưởng người có công; thứ sáu là tôn trọng người có địa vị cao quý; thứ bảy là tuyển chọn tiến cử những quan lại nhỏ nhưng cần mẫn; thứ tám là chiêu đãi khách khứa một cách lễ độ. Khi kết thúc 1 năm, thì mệnh lệnh cho các quan phủ chính lý tư liệu chính tích của từng người, tiếp nhận kiểm điểm. Ba năm tiến hành kiểm tra 1 lần, dựa theo chính tích của các quan lại mà trách phạt hay khen thưởng khác nhau.

Thiện phu: Phụ trách quản lý những việc liên quan đến đồ ăn thức uống của thiên tử. Khi đại tang không ăn uống thịnh soạn, khi mất mùa đói kém không ăn uống thịnh soạn, khi ôn dịch không ăn uống thịnh soạn, những lúc thiên tai như nhật thực, nguyệt thực, địa chấn... không ăn uống thịnh soạn, những lúc quốc gia có hình phạt tử hình hay chiến tranh đều không ăn uống thịnh soạn.

ĐỊA QUAN

Chức trách của đại tư đồ là: Phụ trách quản lý các

khu vực đất đai và ghi chép số lượng hộ tịch khắp cả

nước, phụ tá thiên tử ổn định và giáo hóa thiên hạ. Thi hành mười hai phương pháp giáo hóa: Thứ nhất là dùng những lễ tế tự, dạy muôn dân tôn kính đất trời, muôn dân sẽ không kinh suất bữa bãi; thứ hai là dùng những lễ nghi uống rượu, bắn cung dạy muôn dân nhường nhịn, họ sẽ không tranh giành lẫn nhau; thứ ba là dùng những lễ nghi hôn nhân để dạy muôn dân yêu thương, họ sẽ không nảy sinh phần nộ lẫn nhau; thứ tư là dùng những nghi thức âm nhạc để dạy muôn dân chung sống hòa thuận, họ sẽ không ương bướng; thứ năm là dùng lễ nghi dạy muôn dân phân rõ tôn ti trật tự, họ sẽ không làm những việc vượt quá bốn phận của mình; thứ sáu là dùng những phong tục tập quán tốt của muôn dân để dạy họ an cư, muôn dân sẽ không sống hoang đàng bữa bãi; thứ bảy là dùng hình phạt dạy muôn dân hành động đoan chính, họ sẽ không dữ tợn hại người; thứ tám là dùng tuyên thệ để răn dạy muôn dân cung kính thận trọng, họ sẽ không biếng nhác; thứ chín là dùng quy chế ăn mặc đi lại trong cung điện để dạy muôn dân điều độ, họ sẽ biết tự cho là đủ; thứ mười là dùng tài nghệ mấy đời truyền dạy muôn dân các kỹ năng, họ sẽ không bị không có việc làm; thứ mười một là dựa theo đức hạnh hiền minh mà ban thưởng chức tước, họ sẽ cung kính cẩn thận mà tu dưỡng đức hạnh; thứ mười hai là dựa theo công lao mà ban phát bổng lộc, họ sẽ nỗ lực lập công. Đại tư đồ còn phải lấy sáu hạng mục chính sách bảo an tức nhằm bảo vệ và nuôi dưỡng muôn dân: Thứ nhất là yêu thương bảo vệ trẻ nhỏ; thứ hai là tôn kính phụng dưỡng người già; thứ ba là cứu giúp người nghèo khó; thứ tư là cứu trợ người bần cùng; thứ năm là giảm bớt sức lao động cho người tàn tật; thứ sáu phân phối thuế công bằng khiến người giàu có an tâm. Dùng ba phương cách để giáo hóa muôn dân, và đối với những người có đức hạnh tài năng cần giống như khách khứa mà đối đãi, đồng thời tiến cử lên thiên tử: Việc thứ nhất là “lục đức”, tức là trí, nhân, thánh, nghĩa, trung,

hòa; việc thứ hai là “lục hạnh”, tức là hiếu (hiếu thuận cha mẹ), hữu (anh em thân mật), mục (hòa thuận họ hàng), nhân (hôn nhân), nhiệm (tín nhiệm) và tuất (cứu tế nghèo khổ); việc thứ ba là “lục nghệ”, đó chính là lễ, nhạc, xạ, ngự, thư, số. Lấy “ngũ lễ” cát, hung, tân, quân, gia để phòng ngừa muôn dân nguy quyền lừa gạt, chỉ dạy muôn dân trong bất kì việc gì cũng cần chính trực hợp với lễ nghi. Lấy “lục nhạc” vân môn, đại hàm, đại thiều, đại hạ, đại hoạch, đại vũ để điều tiết tình dục trong muôn dân, dạy bảo họ tâm ôn hòa.

Hương sư tuần tra kinh thành và ngoại thành trong những lúc thiết yếu, cứu tế muôn dân khốn khó cơ hàn, lấy danh nghĩa của thiên tử mà ban phát ân huệ.

“Sur thị (học quan)” phụ trách quản lí việc dùng đường lối, phương pháp đúng đắn để khuyên răn thiên tử, dùng tam đức dạy bảo thiên tử và con cháu của tam công cửu khanh, thứ nhất là chí đức, dùng chí đức làm gốc rễ của đạo đức; thứ hai là mẫn đức, lấy mẫn đức làm nguồn gốc cho hành vi; thứ ba là giáo đức, dùng giáo đức để phán đoán hành vi phản nghịch hung bạo. Dạy bảo thiên tử và con cháu của tam công cửu khanh về tam hạnh, thứ nhất là giáo hạnh, chính là yêu thương phụ mẫu; thứ hai là hữu hạnh, chính là tôn kính hiền lương; thứ ba là thuận hạnh, chính là tôn trọng các bậc thầy.

“Bảo thị” phụ trách quản lý việc dùng đạo đức giáo dục con cháu của tam công cửu khanh, dạy cho con cháu của tam công cửu khanh lục nghệ: Thứ nhất là ngũ lễ, thứ hai là lục nhạc, thứ ba là ngũ xạ, thứ tư là ngũ ngự, thứ năm là lục thư, thứ sáu cửu số. Còn phải dạy họ lục nghĩa: Thứ nhất là lễ nghi thờ cúng, thứ hai là lễ nghi tiếp đón khách khứa, thứ ba là lễ nghi triều đình, thứ tư là lễ nghi tang sự, thứ năm là lễ nghi quân sự, thứ sáu là lễ nghi kiểm soát ngựa xe.

Trách nhiệm của “Tư Cứu” là: Hễ có thiên tai, ôn dịch đến thì tư cứu sẽ mang theo phù tiết tuần tra khắp kinh thành và ngoại thành, trên danh nghĩa thiên tử để ban bố ân huệ, cứu tế bách tính.

XUÂN QUAN

Chức trách của “đại tư nhạc” là: Dùng nhạc đức giáo dục con cái của tam công cửu khanh, giúp họ có thể đạt tới:

Trung, hòa, chi, dung, hiếu, hữu. Hễ xảy ra nhật thực, nguyệt thực, núi đất sạt lở, những tai họa kỳ quái trong đất trời cùng việc các chư hầu xảy ra chết chóc, liền truyền lệnh thu gom nhạc khí. Hễ các sự việc như đại ôn dịch, năm đại hung, lũ lụt họa hoạn nghiêm trọng, các đại thần gặp chuyện xảy ra chết chóc, tóm lại là những họa hoạn khôn khó của đất nước, thì truyền lệnh tháo dỡ chuông nhạc khánh ngọc cùng các nhạc khí treo trên cao xuống. Tất cả các nước chư hầu phong kiến, ngăn chặn các nhạc quan diễn tấu âm nhạc khiêu dâm, những loại nhạc âu sầu quá mức, âm nhạc về đất nước đã bị diệt vong và những âm nhạc thất lễ bất kính.

HẠ QUAN

Chức trách của “đại tư mã” là: Chủ trì thành lập 9 loại pháp luật của bang quốc, phụ tá thiên tử quản lý

đất nước. Hoạch định biên giới vương kỳ, thiết lập phạm vi của các nước chư hầu, để các nước chư hầu mỗi nước có một vị trí nhất định. Thành lập những lễ nghi liên quan, phân rõ địa vị trong triều đình của các đại thần và chư hầu, giúp các chư hầu mỗi nước đều có thứ bậc riêng của mình. Kêu gọi các nước chư hầu tiến cử những người có đức hạnh tài năng và những người có công trạng lên triều đình, khuyến khích tinh thần tiến cử những người tài đức thiện lương của thần dân trong nước. Thiết lập “châu mục” và “quốc quân” nhằm giúp các nước chư hầu liên kết lại với nhau. Kiến lập quân đội, trừng phạt và nghiêm cấm những hành vi phạm pháp, nhằm duy trì trật tự lên sự bất trung của các nước chư hầu. Đảm nhiệm việc phân phối công phẩm và

thuê má một cách hợp lí, ngõ hầu giúp các nước chư hầu hoàn thành một cách tốt đẹp. Tra xét hộ khẩu hương dân, nhằm sử dụng nhân lực của các nước chư hầu một cách hợp lý. Dựa theo chức tước địa vị cao thấp quân bình đất đai, nhằm ổn định các nước chư hầu. Làm cho nước lớn thân thiết với nước nhỏ, nước nhỏ cung phụng nước lớn, khiến cho các nước chư hầu chung sống hòa thuận với nhau. Dùng pháp luật của “cửu phạt” (chín loại hình phạt) trừng trị các nước chư hầu: Chư hầu có những hành vi như ý mạnh đánh yếu, ý đông hiếp ít, thì cắt giảm đất đai của chư hầu. Nếu chư hầu có những hành động như sát hại hiền lương, ức hiếp bách tính, liền ra quân thảo phạt chư hầu. Nếu chư hầu có những hành vi như trong nước thực thi những chính sách tàn bạo, bên ngoài tiến hành xâm lăng liền phế bỏ chư hầu, lập chư hầu mới. Nếu chư hầu có những chính sách khiến đồng ruộng hoang vắng, bách tính rời đi thì liền cắt đi lãnh địa của chư hầu. Nếu chư hầu ý vào địa hình hiểm trở, thành lũy kiên cố mà cao ngạo, không tuân phục lệnh vua, thì phái binh mã đến đóng quân ở trong nước đó. Nếu chư hầu vô cớ giết hại thân tộc thì theo luật pháp mà trị tội. Nếu chư hầu có hành vi lưu đày thần tử hoặc giết hại quốc quân thì xử tội tử hình. Nếu chư hầu có hành vi vi phạm mệnh lệnh, khinh thường thiên tử, coi thường quốc pháp thì cấm chư hầu kết giao với các nước láng giềng. Chư hầu làm trái nhân luân trong ngoài, hành động như là cầm thú, thì diệt bỏ chư hầu. Giữa mùa xuân huấn luyện quân sự, do đó tổ chức cuộc đi săn trong mùa xuân. Giữa mùa hạ dạy các binh sĩ cách thức thành lập doanh trại quân đội ở ngoài vào ban đêm, do đó tổ chức cuộc đi săn trong mùa hạ. Giữa mùa thu dạy các binh sĩ luyện tập tác chiến, do đó tổ chức cuộc đi săn mùa thu. Giữa mùa đông cử hành đại duyệt binh, do đó tổ chức cuộc đi săn mùa đông.

Chức trách của “tư huân” là: Phụ trách quản lý dựa trên công trạng lớn nhỏ mà phân định thứ bậc, phạm là người lập được công trạng thì viết tên của họ lên trên “thái thường kỳ” (lá cờ mà thiên tử treo lên khi cúng tế trời) của thiên tử, vào

mùa đông tế tự tiên vương, đồng thời cũng cúng tế những người lập được công trạng. Nói chung ban thường không hề có tiêu chuẩn cố định, xem xét công trạng lớn nhỏ của họ mà quyết định ban thưởng một cách thỏa đáng.

THU QUAN

Chức trách của “đại tư khấu” là: Phụ trách quản lý việc thiết lập và ban hành 3 loại hình thức pháp điển, nhằm phụ tá vua nghiêm trị các nước chư hầu, giám sát tứ phương.

Thứ nhất là thi hành hình phạt đối với những nước chư hầu mới được phong tước, dùng “khinh điển”; thứ hai là thi hành hình phạt đối với những nước chư hầu hòa ước, dùng “trung điển”; thứ ba là thi hành hình phạt đối với những nước chư hầu có hành vi phản nghịch giết vua cướp ngôi, dùng “trọng điển”. Dùng ngục thất để nhận những thành phần du thủ du thực, tiến hành giáo dục. Phàm ai làm hại đến người khác thì đưa họ vào ngục thất, phạt làm khổ công, đồng thời viết hành vi phạm tội của họ vào giấy tờ, lệnh cho họ mang lên trên người, để cho họ cảm thấy nhục nhã. Nếu như có thể hối cải, thì có thể phóng thích trở về quê, nhưng trong 3 năm không được dựa theo độ tuổi lớn nhỏ mà sắp xếp vai vế cao thấp so với người dân trong thôn. Nếu như không hối cải mà còn vượt ngục trốn chạy, thì xử tội chết. Dùng “gia thạch” (khi xử phạt những người có lỗi lầm tương đối nhẹ thì đặt một hòn đá ở bên trái công chính, lệnh cho kẻ phạm tội ngồi lên hòn đá mà trị tội trước công chúng, đồng thời giúp họ suy nghĩ hướng thiện và sửa chữa sai lầm) để giáo dục và cảm hóa những người có tật xấu, hễ làm việc xấu, vẫn chưa vi phạm hình luật, nhưng nguy hại đối với thôn làng, thì xích tay xích chân kẻ đó lại, cho ngồi lên gia thạch trị tội trước công chúng, sau cùng đưa những kẻ đó giao nộp cho “tư không” phạt làm lao dịch. Đủ thời gian phục dịch, do sự bảo đảm của người dân trong thôn rằng kẻ đó

không tái phạm nữa thì rộng lượng phóng thích. Trang bị “phế thạch”(đá phôi), để cho những người không nơi tổ cáo đến tổ cáo. Hễ dân chúng xa gần không bà con thân thích, không nơi nương tựa hay tuổi tác lớn, những người thấp bé muốn khiếu nại oan khuất lên trên, nhưng những vị quan trên họ không giúp truyền đạt lên, thì đến đứng trên phế thạch 3 ngày, sau đó “triều thị” sẽ nghe những oan khuất của họ rồi báo cáo lên vua, đồng thời luận tội quan trên của những người tổ cáo.

TIÊU TƯ HUÂN

Chức trách của “tiêu tư huân” là: Hễ đại quan và phu nhân của đại quan phạm tội, không cần phải tự mình thẳng đường thẩm tra. Phàm là những người cùng gia tộc với vua phạm tội, không được công khai hành hình trước mặt công thần. Dùng “ngũ thanh” để nghe những lời kiện tụng, hiểu rõ dân tình: Thứ nhất là “tử thính”, quan sát lời nói; thứ hai là “sắc thính”, quan sát sắc mặt; thứ ba là “khí thính” quan sát hơi thở; thứ tư là nhĩ thính quan sát tình tự; thứ năm là “mục thính”, quan sát ánh mắt. Sử dụng tám phương pháp kết án kèm với tám điều luật của vua để bàn luận về việc giảm nhẹ, và sau đó đính kèm hình phạt: Thứ nhất là đối với hoàng thân quốc thích phạm tội thì áp dụng nghị hình pháp nhẹ; thứ hai là đối với bạn bè thân thích thì sử dụng nghị hình pháp xử lí khoan dung; thứ ba là đối với quan lại hiền lương liêm khiết áp dụng nghị hình luật giảm hình phạt; thứ tư là đối với những người có tài năng thì áp dụng nghị hình luật giảm tội miễn phạt; thứ năm là đối với những thân tử có công thì áp dụng nghị hình luật khoan thứ; thứ sáu là đối với quý tộc áp dụng nghị hình luật miễn tội giảm hình phạt; thứ bảy là đối với những người cần mẫn với quốc sự áp dụng nghị hình luật xử phạt khoan dung; thứ tám là đối với khách khứa tôn quý thì áp dụng nghị hình luật đặc xá.

TƯ THÍCH

Chức trách của “tư thích” là: phụ trách quản lý pháp lệnh của “tam thích”, “tam hựu” và “tam xá”, phụ tá tư khấu xử lý những vụ án kiện tụng trong “tam thích”: Thứ nhất là trưng cầu ý kiến của quần thần, thứ hai là trưng cầu ý kiến của các quan lại, thứ ba là trưng cầu ý kiến của muôn dân. Trong “tam hựu”: Thứ nhất là tha thứ cho những người phạm tội ngộ sát, thứ hai là khoan thứ cho những người sơ suất mà giết người, thứ ba là khoan dung cho những người vì quên lãng mà giết người. Trong “tam xá”: Thứ nhất là xá miễn cho những trẻ vị thành niên, thứ hai là xá miễn cho những người có độ tuổi từ 80 trở lên, thứ ba là xá miễn cho những người có trí lực kém. Dùng ba phương pháp này để khảo sát dân tình, sau đó mới thi hành án tử hình.

TIÊU HÀNH NHÂN

Chức trách của “tiêu hành nhân” là: Nếu như nước chư hầu nào xuất hiện ôn dịch khiến cho nhiều người tử vong, thì hạ lệnh cho các nước khác lấy của cải vật chất ra cứu giúp. Nếu như nước chư hầu nào gặp phải năm đại mất mùa thiên tai đói kém thì hạ lệnh cho các nước khác chuyển vận vật chất đến cứu tế. Nếu như nước chư hầu có chiến tranh, thì hạ lệnh cho các nước thiết đãi bằng tài vật. Nếu như nước chư hầu có những việc đáng vui mừng, thì hạ lệnh cho các nước đến chúc mừng. Nếu như nước chư hầu gặp tai họa nghiêm trọng thì hạ lệnh cho các nước đến chia buồn, thăm hỏi.

CHƯƠNG KHÁCH

Chức trách của “chương khách” là: Hễ là hành lễ tiếp đãi khách khứa, thành lập nước chư hầu cho phép giảm

bớt quy cách lễ nghi, lúc xảy ra mất mùa đói kém cho phép giảm bớt quy cách lễ nghi, khi xảy ra ôn dịch hoặc có quốc tang cho phép giảm bớt quy cách lễ nghi, khi chịu chiến loạn hay lũ lụt họa hoạn cho phép cắt bớt quy cách lễ nghi, khi vua ở

ngoại thành hay đi dã ngoại cho phép cắt bớt quy cách lễ nghi.

CHU THU

VĂN TRUYỆN GIẢI

Trên đời có 4 loại tai ương: Ngập lụt, hạn hán, đói kém và mất mùa. Bốn loại tai ương này có thể xảy ra bất kì lúc

nào, nếu như thường ngày không tích lũy lương thực thì làm sao có thể ứng phó với tai ương? Trong Hạ Châm có viết: Dân thường nếu như không có lương thực dự trữ cho vài năm, gặp phải những năm bị thiên tai tàn phá, ngũ cốc không thể thu hoạch được, vợ con lúc này cũng không còn là vợ con của mình. Quan chức nếu như không có lương thực dự trữ cho vài năm, gặp phải những năm thiên nhiên bị tàn phá, ngũ cốc không thể thu hoạch được, nô lệ, xe ngựa cũng không còn. Quốc gia nếu như không có lương thực dự trữ cho vài năm, gặp phải những năm mất mùa đói khổ, dân của nước mình cũng sẽ không còn là dân của nước mình nữa. Hãy luôn cảnh giác, đừng sống trong những ngày yên ổn mà không nghĩ đến những lúc gian nguy, ngày mà thảm họa đến cũng không còn xa nữa. Người biết cách mở rộng nguồn tài chính, tiết kiệm, dự trữ, và bố thí thì cách mà họ có được thế giới cũng nhanh như sự tan chảy của tuyết và đá vậy. Người không biết cách mở rộng nguồn tài chính, tiết kiệm, dự trữ, và bố thí thì thế giới của họ mất đi cũng nhanh như tuyết và đá vậy. Những vũ khí tốt tất yếu sẽ thắng sức người, sức người đủ mạnh tất yếu sẽ chiến thắng thiên mệnh. Có thể chế ngự được các nhân lực và vật lực của bản thân, thì cũng có thể chế ngự được nhân lực và vật lực của người khác. Không thể chế ngự được nhân lực và vật lực của bản thân thì cũng không thể nào chế ngự được nhân lực và vật lực của người khác, thay vào đó sẽ bị người khác chế ngự. Nếu như có thể đạt đến giới hạn khi ra lệnh thì người khác thực

hiện, khi ngăn cấm thì người khác dừng lại, thì đó là chính là khởi đầu của việc trở thành bậc minh quân.

QUAN NHÂN

Đối với người giàu có, hãy nhìn xem họ có tử tế nhân từ hay không, đối với những người nghèo khó, hãy nhìn xem đức hạnh và phẩm hạnh của họ như thế nào. Đối với người được sủng ái, hãy nhìn xem liệu họ có kiêu ngạo và xa xỉ không; đối với những người bình thường, xem liệu họ có nhút nhát hay không; đối với người trẻ, xem họ có kính cẩn và ham học hỏi, kính thuận huynh trưởng, yêu thương anh em hay không; đối với người trưởng thành, nhìn xem họ liệu có liêm khiết cẩn cù, liệu có kiềm chế được ham muốn cá nhân hay không; đối với người già, nhìn xem liệu họ có suy nghĩ một cách cẩn thận, bù đắp những thiếu sót và không vi phạm những quy tắc lịch sự hay không; trong mối quan hệ cha con, nhìn xem cha có hiền con có thảo hay không; giữa anh em với nhau, nhìn xem họ có hòa thuận thân mật với nhau hay không; giữa vua và thần, nhìn xem liệu thần có trung thành và liệu vua có nhân từ hay không; giữa những người đồng hương với nhau, nhìn xem liệu họ có trọng chữ tín hay không. Hãy để họ xây dựng một chiến lược và quan sát trí tuệ và năng lực của họ, để họ đối diện với khó khăn và quan sát sự dũng cảm của họ; để họ giải quyết công việc và quan sát khả năng làm việc của họ; lấy quyền lợi thử thách họ, quan sát xem liệu họ có tham lam hay không; lấy thú vui dụ dỗ họ, xem xét xem liệu họ có sao nhãng chính sự hay không; khiến họ khoái trá, xem xét xem liệu họ có ngả ngón hay không; khiến anh ấy phẫn nộ, xem xét xem liệu anh ấy có vững vàng hay không; để họ uống say rượu, xem xét xem liệu họ có thất lễ hay không; thoả mái với họ và xem xét các hành vi thường ngày của anh ấy; không thân thiết với anh ấy, xem xét xem liệu anh ấy có trung thành và không phản bội hay không; thân thiết với họ, xem họ liệu có ngạo mạn hay không; nhiều lần thỉnh cầu lời khuyên của họ, xem xét tư

tướng của họ; tra xét hành vi của họ nhiều lần, xem xét cách thức xử lý của họ. Bằng cách này, khảo sát dùng nhân tài mới đáng tin cậy.

NHUẾ LƯƠNG PHU GIẢI

Chu Lệ vương tàn bạo vô đạo, Nhuế Lương Phu trình bày sự can gián vua, gọi là “Nhuế Lương Phu Giải”.

Nhuế Lương Phu nói: “Thần là một chức quan nhỏ Nhuế Lương Phu, cúi đầu trước ngài, cung kính kể ra: Thiên tử giống như cha mẹ của bá tính, vua nếu như lấy đạo nghĩa trị quốc, vậy thì bá tính ở những nơi xa xôi sẽ quy phục; nếu như tàn bạo vô đạo, ngay cả đại thần và tì thiếp bên cạnh cũng sẽ phản bội. Lòng dân hướng về đạo đức, có đức, muôn dân sẽ ủng hộ và yêu mến vua. Không có đạo đức muôn dân sẽ oán hận vua. Những điều này đã được nghiệm chứng ở những đời trước, cách chúng ta ngày nay chẳng bao lâu. Thương Trụ vương không sửa đổi hung tàn của Kiệt vương thời Hạ, mới có được sự thống nhất thiên hạ và các nước chư hầu của triều Chu của chúng ta ngày hôm nay. Vâng! chỉ có bậc vua mới có thể kế thừa cơ nghiệp mà Văn vương, Võ vương đã kiến tạo. Nhưng đại thần nhiếp chính, mặc dù chức vị không khác gì hiền thần Chu công của tiên vương nhưng đức hạnh lại mê muội tốt độ, chỉ chăm chăm vào lợi ích của bản thân, dẫn dắt vua tàn bạo vô đạo. Làm lũng đoạn lợi ích vạn vật trong thiên hạ, cậy quyền cậy thế, ức hiếp muôn dân, lửa cháy thêm dầu họa càng thêm họa, do đó muôn dân không thể chịu đựng nổi. Đất nước thái bình hay hỗn loạn đều nằm ở đức hạnh của vua và đại thần nhiếp chính, điều này nhà vua và đại thần nhiếp chính đã nghe và biết từ rất lâu rồi. Người xưa ước ao được nghe nhiều ý kiến khác nhau để có thể từ đó mà rút ra những bài học chưa từng được biết đến, đây là bởi vì không biết. Ngài đã nghe và biết về nó nhưng không thay đổi thái độ của bản thân, đây cũng là điều rất khó khăn. Nhà Vua chính là người tiêu diệt họa hoạn cho muôn dân, không phải làm nguy hại

cho muôn dân, làm nguy hại cho muôn dân thì không còn là bậc vua nữa, mà chính là kẻ địch của muôn dân. Muôn dân có đến hàng ngàn hàng vạn người nhưng nhà chỉ có một, người ít không đánh lại số đông, địa vị của vua há chẳng phải bị lung lay sao? Chim hoang đã có thể được thuần phục bởi con người, nhưng những vật nuôi trong nhà nhìn thấy người lại bỏ chạy, đây không phải là đặc tính của động vật hoang dã và động vật được nuôi trong nhà, mà chính là con người đối với chúng, thực ra muôn dân cũng giống như vậy. Đại thần nhiếp chính bây giờ của ngài, chỉ biết đến tham lợi, nịnh hót dâng tấu, không biết điều chỉnh phương sách để phòng ngừa hoạn nạn. Đợi đến khi lòng dân sinh ra oán hận, lúc này tài chính, nhân lực đều đã tiêu phí hết rồi, từ trên xuống dưới đều không biết phải làm thế nào, muôn dân không còn ủng hộ vua nữa, thiên hạ không phải là quá loạn lạc rồi sao? Tai họa xảy ra là do sự sơ suất của con người, sự lơ đãng của con người tạo nên những sai lầm, nếu không chuẩn bị những lo lắng như vậy ở trong lòng, biến loạn chính là từ trong đó mà ra. Đại thần nhiếp chính không hề nghĩ đến những đại nạn sắp xảy đến, chỉ biết sống cho qua ngày đoạn tháng, dùng tiền tài để mua chức tước. Điều đó khiến cho những người hiền trí phải im lặng để tránh tai họa, kẻ tiểu nhân lại khoa môi múa mép nhằm thu lợi cá nhân. Mặc dù hai bên đều đạt được những điều mà họ mong muốn nhưng tình hình chính trị như này đối với những quân tử mà nói, chỉ có thể thốt lên một tiếng “than ôi”. Thần nghe nói: “Vua dựa vào lời nói để chọn người tài, thì muôn dân sẽ chỉ nói lời ngon ngọt; dựa vào đức hạnh để tuyển người, nhân dân sẽ ra sức tu dưỡng đức hạnh”. Lời nói ngon ngọt chẳng có tác dụng gì, nhưng đức hạnh lại giúp cho sự nghiệp thành công. Đại thần nhiếp chính chỉ dùng những lời nói ngon ngọt để dâng tấu lên vua, thực sự đã gây nên rất nhiều hệ lụy. Ngài tự cho rằng mình khôn ngoan nhanh nhẹn có thừa, thần lại cho rằng trí lực của ngài vẫn chưa đủ. Xin ngài hãy suy xét một cách cẩn thận mà tu dưỡng đức hạnh của mình, phòng khi hoạn nạn ập đến bên ngài. Đừng đợi đến khi hoạn nạn đã ập mới bắt

đầu hối hận, hối hận thì có ích gì?

QUỐC NGŨ

CHU NGŨ

Chu Cảnh vương năm thứ 21, muốn đúc đồng tiền tiền lớn. Đan Mục công nói: “Không thể làm như vậy được.

Thời xa xưa, gặp phải thiên tai mới bắt đầu ước lượng mối liên quan giữa hàng hóa và tiền tệ, cân nhắc sự nặng nhẹ của đồng tiền, để từ đó đúc những đồng tiền mới nhằm cứu tế muôn dân. Muôn dân chê đồng tiền nhẹ (đồng tiền nhỏ), liền đúc đồng tiền nặng hơn (đồng tiền lớn) tung ra thị trường, vì vậy mới có việc lấy đồng tiền lớn làm chính, đồng tiền nhỏ làm phụ, đồng tiền lớn và đồng tiền nhỏ cùng lưu thông theo 1 tỉ suất nhất định, do đó, còn được gọi là lưu hành theo phương thức “tử quyền mẫu nhi hành”, muôn dân dùng đồng tiền lớn hay đồng tiền nhỏ đều rất tiện lợi. Bây giờ bệ hạ xóa bỏ đồng tiền nhỏ mà đúc đồng tiền lớn, khiến cho những đồng tiền nhỏ trong tay dân chúng trở thành vật bỏ đi, mất đi những của cải đã tích góp dành dụm được, họ làm sao có thể không trở nên nghèo túng? Nếu như dân chúng nghèo túng thì tài lực đất nước sẽ bị thiếu hụt, mà tài lực đất nước bị thiếu hụt thì sẽ tăng thêm sự đòi hỏi đối với dân chúng. Họ gánh vác không nổi, sẽ nảy sinh ra ý nghĩ trốn đi nơi khác, điều này sẽ khiến cho dân chúng bỏ đi. Lại bàn về việc dự phòng tai họa, hoặc là trước khi tai họa xảy ra nghĩ cách phòng ngừa, hoặc là sau khi tai họa đến nơi mới tiến hành cứu vãn, hai cách làm này hoàn toàn không thể thay thế cho nhau. Phòng ngừa từ rất sớm nhưng lại không tiến hành phòng bị, thì gọi là cầu thả; cố gắng cứu vãn việc đã xảy ra nhưng trước đó lại bận rộn với những việc không đâu, như vậy gọi là tự chuốc lấy tai họa. Nước Chu chúng ta vốn dĩ là một nước yếu, thiên tai lại nhiều, họa hoạn liên miên, bây giờ lại để dân chúng rời đi mà tăng thêm tai họa, điều này e

rằng không thể chấp nhận được! Thật lòng yêu quý muôn dân nhưng lại khiến cho họ rời đi; thật lòng đề phòng tai họa nhưng lại gây nên tai họa, vậy thì dựa vào cái gì để cai quản đất nước? Đất nước không có thường pháp, vậy thì dựa vào cái gì để công bố chính lệnh? Chính lệnh không thể thông suốt, chính là ưu hoạn của nhà vua. Cho nên các bậc minh quân luôn ban bố ân đức cho muôn dân nhằm loại trừ những nguy hại tiềm ẩn từ những người không nghe theo chính lệnh. Ra sức vơ vét của cải của nhân dân để làm đầy phủ kho cho vua, vậy thì khác gì chặn đầu nguồn các con sông để xây dựng hồ nước, như vậy nước ở sông cũng chẳng mấy chốc mà khô hạn. Nếu như dân chúng rời đi, tài lực và nhân lực đều thiếu hụt, khi tai họa ập đến lại hoàn toàn không có các biện pháp phòng bị, bệ hạ, ngài nói tương lai phải làm như thế nào đây?” Chu Cảnh vương vẫn không nghe lời khuyên can.

Chu Cảnh vương năm thứ 23, dự tính đức Vô Xạ chung. Đan Mục công nói: “Không thể làm như vậy được, trước kia đức đồng tiền lớn đã cướp đoạt hết tiền tài của muôn dân rồi, bây giờ lại muốn đức đại chung, tài lực của muôn dân càng khó khăn hơn. Nếu như của cải tích góp của họ đã dùng hết rồi, lại không có cách nào để thêm vào thì tài lực làm sao có thể tăng thêm được? Bây giờ bệ hạ đức đại chung, vừa không có ích lợi gì cho âm nhạc, lại vừa tiêu hao đi tiền tài của nhân dân, có lợi ích gì cho sau này không? Âm nhạc chỉ là dùng đôi tai để nghe, còn mỹ sắc thì dùng đôi mắt để nhìn. Nếu như nghe thấy âm nhạc mà kinh sợ, nhìn thấy mỹ sắc mà mê muội, vậy thì so với những thứ đó, họa hoạn cũng chẳng là gì. Tai mắt là chìa khóa để truyền đạt suy nghĩ và cảm xúc. Do vậy nhất thiết phải nghe nhạc những loại nhạc hài hòa, nhìn những đồ vật thuần túy; thường xuyên nghe những loại nhạc hài hòa sẽ giúp đôi tai nhanh nhạy, thường xuyên nhìn những đồ vật thuần túy sẽ giúp đôi mắt trở sắc bén. Đôi tai nhanh nhạy mới có thể lắng nghe được tất cả các lời nói; đôi mắt sắc bén mới có thể giúp cho đức hạnh minh bạch. Có thể nghe được

tất cả các lời nói và minh bạch trong đức hạnh, muôn dân sẽ hoan nghênh, cảm kích và quy phục. Do đó làm mọi việc chắc chắn sẽ thành công, mọi mưu cầu đều được đáp ứng, chỉ có như vậy mới có thể hạnh phúc được. Tai nghe nhạc êm dịu, miệng nói lời đẹp đẽ, lấy đó làm pháp lệnh mà truyền bá tới muôn dân khắp nơi. Muôn dân không hề mệt mỏi mà dốc hết tâm lực thúc đẩy, tất cả mọi việc đều có thể thành công, không phát sinh biến cố, đó mới là những điều hạnh phúc nhất. Nếu như mọi điều tai nghe mắt thấy đều không hài hòa, cảm thấy kinh sợ, mê muội, từ đó nói ra những lời nói ngông cuồng vô độ, tâm bắt đầu trở nên mê muội, chính lệnh phát ra không trọng chữ tín, hình pháp chính sự hỗn loạn không thể tả, lệnh trưng dụng phu phen không thể thuận theo thời vụ, muôn dân không có quy củ để tuân theo, không biết phải tận sức như thế nào và vì cái gì, do đó ai cũng nung nấu trong lòng ý định rời đi. Nhà vua mất đi dân chúng, hành sự không thể thành công, trưng cầu không được ý dân, làm sao có thể có được hạnh phúc? Chỉ trong 3 năm, đã nảy sinh ra 2 sự việc khiến muôn dân phải rời bỏ đất nước mà đi, vận mệnh của quốc gia có lẽ là gặp nguy hiểm rồi!”. Chu Cảnh vương không nghe lời khuyên can, đi hỏi nhạc quan Châu Cưu có nên đúc đại chung hay không. Lanh Châu Cưu đáp: “Nếu như không quản chuyện cạn kiệt tài chính, quấy rầy muôn dân, để thỏa mãn thú vui của mình, như vậy lấy đại chung được đúc ra đem đi diễn tấu âm nhạc, nghe cũng không được hài hòa, diễn tấu nó không dung hợp âm luật, vừa không có ích gì cho việc giáo dục và cảm hóa dân, lại làm ly tán lòng dân, chọc giận thần linh, đây là việc mà tiểu thần chưa hề được biết đến. Chu Cảnh vương không nghe lời khuyên can, cuối cùng cũng bắt đầu đúc đại chung. Vào năm thứ 24, đại chung được đúc xong, một nhạc công đến báo nói là âm thanh của đại chung dung hợp âm luật. Chu Cảnh nói với nhạc công Châu Cưu: “Âm thanh của đại chung quả thực dung hòa với âm luật sao?” Châu Cưu trả lời rằng: “Vẫn chưa thể biết được”. Cảnh vương hỏi: “Nguyên do là gì?” Châu Cưu trả lời: “Quân vương làm

nhạc khí, muôn dân đều vui mừng, đó chính là hài hòa. Bây giờ tài chính cạn kiệt, muôn dân mệt mỏi, ai ai cũng oán hận, thần không biết là hài hòa ở chỗ nào. Hơn nữa những việc mà dân chúng đều thích, hầu hết sẽ thành công; những việc mà dân chúng đều ghét cay ghét đắng, hầu hết đều thất bại. Ngạn ngữ có câu: “Yên được lòng dân, không ai có thể đánh bại, nó kiên cố giống như tường thành vậy; dân chúng phi báng, thì ngay cả kim thạch cũng có thể bị nung chảy”. Bây giờ, trong ba 3 năm, 2 lần xuất hiện kim thạch hại dân. Thần lo là nhất định phải bãi bỏ một trong hai việc đó”. Chu Cảnh vương nói: “Nhà người già hồ đồ rồi, biết cái gì mà nói?” Vào năm thứ 25, Chu Cảnh vương chết, âm hợp tấu của đại chung không dung hợp âm luật.

TÀN NGU

Tần Vũ công tấn công nước Dục, giết chế Tần Ai Hâu, lại khuyên ngăn Loạn Cộng Tử, nói: “Nếu như ngài

không chết, tôi sẽ để đưa ngài lên cao, nắm quyền đại chính nước Tần”. Loạn Cộng Tử từ chối, nói: “Tôi nghe nói, con người ta sống đối với 3 việc phải trước sau như một, thậm chí đến chết cũng không đổi. Phụ thân đã sinh dưỡng mình, thầy giáo đã giáo dục mình, nhà vua đã cho mình chức tước bổng lộc. Chỉ cần là những việc này thì phải quên mình phục vụ, đây chính là đạo lý làm người. Tôi làm sao dám vì lợi ích cá nhân mà vứt bỏ đi đạo lý làm người được chứ? Vậy ngài lấy cái gì để dạy bảo người khác chứ?” Nếu đi theo ngài, tôi trở thành một thần tử nhưng lại thờ 2 vua, ngài lại làm sao có thể dùng một thần tử như vậy được. Do đó chiến đấu cho đến chết.

Tần Văn công trung cầu ý kiến chiêm quan Quách Yễn, nói: “Ban đầu trăm cứ nghĩ cai trị đất nước rất dễ dàng, bây giờ mới biết thực khó khăn”. Quách Yễn trả lời: “Quốc vương nghĩ dễ dàng, khó khăn sẽ đến; quốc vương nghĩ trắc trở, vậy thì dễ dàng sắp đến rồi”.

Triệu Tuyên Tử tiến cử Hàn Hiến Tử lên Tấn Linh công làm tư mã. Trong trận chiến Hà Khúc, Triệu Tuyên Tử cho người dùng chiến xa của ông ấy tạo thành đội hình chiến đấu, Hàn Hiến Tử bắt được liền giết chết người này. Triệu Tuyên Tử triệu kiến Hàn Hiến Tử, cư xử với ông ấy một cách lễ độ, nói: “Ta nghe nói những người phục vụ nhà vua, thân thiết dựa trên chính nghĩa chứ không dựa vào tư lợi. Trung thành với nhà vua mà tiến cử người dựa trên trung nghĩa, đó là “làm việc chính nghĩa”; nếu như dựa vào tư lợi mà tiến cử người, chính là “bè lũ”. Các cấm lệnh trong quân đội tuyệt đối không được làm trái, nếu đã làm trái tuyệt đối không được bao che hành tội, đó là “nghĩa”. Ta tiến cử nhà ngươi lên đức vua, chỉ lo ngươi không thể gánh vác được. Tiến cử ngươi nhưng người không gánh vác được, thì còn cái gì có thể đáng tội hơn việc kết bè kết lũ này nữa? Phục vụ nhà vua mà lại đi kết bè kết lũ, ta làm sao có thể trông coi quốc chính được chứ? Người hãy tiếp tục cố gắng! Nếu như nhà ngươi có thể tiếp tục làm tốt mọi việc như hiện tại, vậy thì việc cai quản và lãnh đạo nước Tấn này, không phải ngươi thì có thể là ai được?” Đồng thời đem từng chi tiết của việc này kể với các đại phu, ông nói: “Các vị có thể chúc mừng ta rồi, ta tiến cử Hàn Hiến Tử chính là chọn đúng người rồi, giờ đây ta biết mình có thể tránh khỏi tội tiến cử không đúng người rồi”.

Thúc Hượng đi thăm con trai của Tư Mã Hâu, vừa vỗ vai an ủi con trai Mã Tư Hâu, vừa thút thít nói: “Sau khi phụ thân ngươi qua đời, ta đã không còn ai cùng ta phục vụ nhà vua nữa. Lúc trước, lúc nào cũng nếu như phụ thân ngươi là người khởi đầu thì ta gắng sức để sự việc kết thúc trọn vẹn; nếu như ta khởi đầu thì phụ thân ngươi gắng sức để sự việc kết thúc trọn vẹn, chẳng có việc gì mà không thành công”. Tịch Yên đứng bên cạnh hỏi: “Người quân tử có kết bè đảng không?”, Thúc Hượng trả lời rằng: “Quân tử có kết hợp, nhưng không phải là loại kết bè kết lũ, kết hợp mật thiết với nhau dựa trên đức hạnh để trợ giúp chính sự thành công, đây chính là “làm việc chính nghĩa”; tiến cử lẫn nhau để mưu cầu lợi ích của bản thân,

mưu cầu lợi ích của bản thân mà quên mất nhà vua, chính là kết bè kết lũ.

SỞ NGŨ

Vua Sở Linh Vương xây dựng xong đài Chương Hoa, cùng với Ngũ Cử đi lên đài. Vua Sở Linh nói: “Cái đài này có đẹp không?” Ngũ Cử đáp: “Thần nghe nói bệ hạ xem việc sùng ái, ghi lòng tạc dạ người hiền đức là “mỹ”, lấy việc làm yên lòng muôn dân làm “lạc”, xem việc có thể lắng nghe những lời đạo đức là “thông”, lấy việc có thể thu hút dân vùng biên giới làm “minh”; thần không nghe nói, quân vương xem việc xây dựng những công trình bằng gỗ đồ sộ, tô điểm cầu kì cho các phẩm điêu khắc là “mỹ”. Tiên đế Trang vương xây dựng đài Bào Cự, độ cao chỉ đủ để nhìn thấy vận khí cát hung báo trước vận mệnh của đất nước, kích thước vền vền chỉ đủ để cử hành quốc yến, lấy gỗ rừng nhưng không ảnh hưởng đến việc phòng hộ, chi tiêu không phiền đến của cải trong kho của quan lại, lấy công không làm lỡ thời vụ nông nghiệp của muôn dân, lấy người không ảnh hưởng đến đến công việc triều chính hằng ngày của quan lại. Tiên đế vì vậy mà có thể trừ khử tai họa, chiến thắng kẻ thù, ở giữa các nước chư hầu không cảm thấy nhục nhã hổ thẹn. Bây giờ bệ hạ xây dựng đài Chương Hoa này, quốc dân mỗi một, quốc khố tài lực kiệt quệ, vì làm lỡ thời vụ nông nghiệp mà không thu hoạch được lương thực, quan lại khắp nơi vì việc triệu tập dân chúng khắp nơi đến xây đài mà phiền não, mất 3 năm mới xây dựng xong, thần không hiểu nó đẹp ở chỗ nào. Đẹp, có nghĩa là đối với trên dưới trong ngoài, lớn nhỏ gần xa đều không có hại, cho nên mới gọi là đẹp. Nếu như chỉ để cảm nhận vẻ đẹp bằng mắt mà lại làm cạn kiệt của cải tài nguyên, đây chính là thu gom tiền tài của dân chúng, làm giàu cho mình nhưng lại làm khiến dân chúng nghèo nàn, sao lại gọi là đẹp được đây? Làm vua cai trị một đất nước, vốn dĩ nên sống chung với dân chúng, nhưng dân chúng lại quá nghèo túng, vua làm sao có thể sung túc một mình chứ? Cho nên

tiền để xây dựng đài được xây nên nhằm phục vụ cho việc học tập nghiên cứu tập luyện quân sự, đài được xây nên nhằm nhìn thấy vân khí cát hung, dù xây sân bãi cũng tuyệt đối không chiếm dụng đất ruộng, dù tiêu hao phí tổn cũng tuyệt đối không làm cạn kiệt tài chính, những hạng mục công việc liên quan tuyệt đối không làm phiền đến quan lại làm việc, thời gian xây dựng tuyệt đối không ảnh hưởng đến mùa vụ đồng áng, chọn vùng đất cần cỗi không dễ canh tác mà xây nó, sử dụng vật liệu gỗ còn dư từ những công trình công sự, quan lại nhàn rỗi việc nước mới đi thăm soát một chút, lợi dụng thời gian nhàn rỗi giữa 4 mùa để xây dựng nó. Hơn nữa xây dựng đài, vốn dĩ là để giáo dục và cảm hóa nhân dân và sử dụng theo nhu cầu cũng như lợi ích của nhân dân, không hề nghe đến việc dùng nó để khiến cho muôn dân túng khổ. Nếu như bệ hạ nói như vậy là đẹp, mà còn cho rằng làm như vậy là đúng đắn, nước Sở e rằng có khả năng gặp nguy hiểm rồi.

Đấu Thả (Thư) ở triều đình bái kiến Tử Thường, Tử Thường nói chuyện với Đấu Thả, hỏi Đấu Thả về việc thu gom tiền tài vật chất và làm sao để tập hợp ngựa tốt. Đấu Thả về nhà thuật lại chuyện này với em trai, ông nói: “Nước sở có lẽ sắp diệt vong rồi! Nếu như không phải như vậy thì lệnh doãn có lẽ là không thể tránh được tai họa rồi! Ta bái kiến lệnh doãn, lúc ông ấy hỏi tôi về việc tích lũy tiền tài vật chất, giống như một con sói bị bỏ đói vậy, sợ rằng chắc chắn sẽ diệt vong. Lúc trước Đấu Tử Văn ba lần rời bỏ chức vị lệnh doãn, trong nhà đến tiền để giành cho 1 ngày cũng không có, đây là vì thương xót dân chúng. Thành vương mỗi lần lấy tiền tài tăng thêm bổng lộc cho Tử Văn, ông ấy đều lần trốn, cho đến khi Thành vương dừng việc tăng thêm bổng lộc cho ông ấy, ông ấy mới chịu quay về đảm nhiệm chức vụ trong triều đình. Có người nói với Tử Văn: “Con người ta sống vốn là để theo đuổi phú quý, nhưng ngài lại chạy trốn nó, đây là vì có gì?” Tử Văn trả lời rằng: “Cái gọi là phục vụ triều chính chính là để bảo hộ cho dân. Bây giờ trong dân chúng người nghèo khó rất nhiều, còn ta lại sống trong vinh hoa phú quý, đó chính là bản thân

được giàu có sung túc nhưng lại khiến dân khốn khổ, như vậy thì ngày ta bị diệt vong cũng không còn xa nữa rồi. Ta chính là đang lẩn trốn cái chết, chứ không phải đang trốn chạy phú quý”. Cho nên khi Sở Trang vương lên nắm quyền, tiêu diệt gia tộc Nhực Ngao, chỉ có con cháu của Tử Văn sống sót. Đến tận bây giờ, con cháu Tử Văn vẫn là những lương thần của nước Sở, đây không phải là đời trước thương xót dân thì đời sau hưởng phú vinh hoa sao? Bây giờ lệnh doãn Tử Thường là hậu thế của hiền thần tiên triều, phụ tá Sở Vương, nhưng ở bên ngoài lại không có tiếng tốt. dân chúng ốm yếu đói kém ngày một nhiều. Biên giới đất nước bốn bên đều là dinh lũy nhưng người chết đói khắp nơi lại nhiều vô số kể. Với tình hình như vậy còn không biết thương xót dân chúng, ngược lại còn không ngừng trưng thu của cải dân. Ông ấy tạo ra trong dân chúng biết bao nhiêu là oán hận. Của cải trưng thu được càng nhiều thì oán hận tích góp cũng ngày càng lớn, muốn không bị diệt vong, còn chờ đến khi nào?” Một năm sau, xảy ra trận chiến Tử Thường lưu vong sang nước Trịnh.

Đại quan nước Sở, Vương Tôn Ngũ đến hành lễ theo lời mời của nước Tấn, vua Tấn Định Công mở yến tiệc tiếp đãi nồng hậu, Triệu Uởng cùng theo vua tiếp đãi Vương Tôn Ngũ. Lúc Triệu Uởng chủ trì nghi lễ, ngọc bội ông ấy mang theo bên mình va chạm vào nhau tạo nên âm thanh không nhỏ. Triệu Uởng hỏi Vương Tôn Ngũ: “Bạch Hoành của nước Sở vẫn còn chứ?” Vương Tôn Ngũ trả lời: “vẫn còn”. Triệu Uởng nói: “Bạch Hoành làm bảo vật nước Sở bao lâu rồi?” Vương Tôn Ngũ nói: “Nước Sở trước giờ không hề xem Bạch Hoành là bảo vật, thứ mà nước Sở xem như bảo vật đó là Quán Xạ Phụ, ông ấy có thể sáng tác những bản giáo huấn, dùng để kết giao với các nước chư hầu, khiến họ không thể kiếm có đem cách hành sự của quốc vương nước Sở ra làm đầu đề câu chuyện. Còn có một vị tả sử quan, gọi là Ý Tương, ông ấy có thể giảng giải những điển chế của tiên đế, kể rõ nhiều điển tích khác nhau, mỗi ngày sáng tối trình lên quân vương những điển

tích thành bại tốt xấu, giúp quân vương không quên đi công lao sự nghiệp của tiên đế, ông ấy còn rất giỏi trong việc lấy lòng quý thần trên dưới, thuận theo sở thích của quý thần để quý thần không mang lòng oán giận nước Sở. Hơn nữa còn có 1 vùng đầm lầy, gọi là Vân Mộng, nó nối liền với Đồ Châu, là nơi sinh ra kim mộc trúc tiền; rùa báu, ngọc trai, sừng tê giác, ngà voi, da thuộc, lông vũ, những báu vật này được dùng để dự bị cho quân sự, nhằm phòng bị cho những biến cố lớn không thể đoán trước được. Do đó nếu lấy vàng bạc châu báu, lụa là gấm vóc cống hiến cho các nước chư hầu, e rằng quốc vương của chúng tôi có thể vì cống hiến lễ vật mà không phải đắc tội với các nước chư hầu, nhưng lại khiến dân chúng trong nước không được thái bình. Những thứ này mới là bảo vật của nước Sở. Ngay cả cái bạch hoành đó, chẳng qua chỉ là vật mà tiên vương thưởng ngoạn, làm sao gọi là bảo vật gì được?”

HÀN THI NGOẠI TRUYỆN

Sở Trang vương xử lý triều chính, xong việc thì trời cũng đã rất khuya rồi. Phàn Cơ đi xuống điện ngênh tiếp

Sở Trang vương, Phàn phi nói: “Tại sao hôm nay lại bãi triều muộn như vậy?” Trang vương nói: “Hôm nay nghe bài phát biểu của các trung thần, quên cả đói và quên luôn cả mệt mỏi”. Phàn Cơ hỏi: “Những trung thần mà ngài nói, là môn khách của các chư hầu, hay là kẻ sĩ trên khắp Trung Nguyên?” Trang vương trả lời: “Chính là lệnh doãn Thẩm (Ngu Khâu Tử). Phàn Cơ lấy tay che miệng cười. Trang vương hỏi: “Ngài cười vì cái gì chứ?” Phàn Cơ nói: “Lệnh doãn Thẩm có thể gọi là hiền thần nhưng không thể gọi là trung thần”. Trang vương hiểu kì dò hỏi Phàn Cơ tại sao? Phàn Cơ trả lời: “Thần thiếp có phúc hầu hạ đại vương đã 11 năm rồi, nhưng thần thiếp không hề lỗi với phép tắc thông thường mà phái người hỏi thăm tìm kiếm mỹ nữ khắp nơi tiến dâng lên đại vương. Bây giờ hiền nữ bên cạnh đại vương có rất nhiều, ngang hàng với thần thiếp có 10 vị, hiền đức hơn thần thiếp có 2 vị, thần thiếp sao

lại không muốn độc chiếm sự sủng ái của đại vương chứ! Nhưng thần không dám vì ham muốn ích kỉ mà che lấp đi mỹ nhân trong thiên hạ. Bây giờ Ngụ Khâu Tử giữ chức lệnh doãn ở nước Sở mấy năm rồi, nhưng chưa thấy ông ấy tiến cử người hiền, cách chức những người đức hạnh không tốt, như vậy làm sao có thể gọi là trung thân được chứ?” Chu Trang vương kể lại với lệnh doãn Thảm những lời nói của Phàn Cơ, lệnh doãn Thảm liền tiến cử Tôn Thúc Ngao. Tôn Thúc Ngao cai quản nước Sở 3 năm, đưa nước Sở trở thành bá chủ giữa các nước chư hầu. Đây chính là thành quả từ công sức của Phàn Cơ.

Một bức tường cao rắn chắc từ trên xuống dưới, không hẳn sẽ sụp đổ; nhưng trời mưa lớn, nước mưa đều đọng lại ở bên dưới, bức tường chắc chắn sụp đổ trước. Rễ cỏ cây mọc cạn, chưa hẳn sẽ lộ ra bên ngoài khiến cỏ cây bị ngã xuống; nhưng cơn cuồng phong đến, mang theo cơn mưa như trút nước, vậy thì những cây cỏ này nhất định sẽ bị ngã xuống trước. Nhà vua cư ngụ ở một quốc gia như vậy, không tôn sùng nhân nghĩa nhưng tôn trọng đại thần tài đức sáng suốt, để ông ấy cai quản vạn sự trong nước, quốc gia này chưa hẳn sẽ diệt vong; nhưng một khi có biến cố đến bất ngờ, giữa các nước chư hầu xảy ra chiến tranh, binh sĩ, chiến xa đều lao ra chiến trường, tai họa bất ngờ ập đến, mới bắt đầu lo lắng về những điều này, có kêu gào đến khô cả miệng cũng chỉ có thể ngước lên trời mà thở dài, hy vọng ông trời đến cứu giúp, không phải là đã quá muộn rồi sao?

Điền Nhiêu làm việc cho vua nước Lỗ- Lỗ Ai công nhưng không được trọng dụng. Điền Nhiêu nói với Lỗ Ai công: “Thần sẽ rời khỏi bệ hạ mà chạy xa và bay cao như những con thiên nga vậy!” Lỗ Ai công hỏi: “Tại sao?” Điền Nhiêu đáp: “Quân vương lẽ nào không nhìn thấy những con gà kia sao? Đầu gà có mào, là “văn”; chân mọc cựa, là “võ”; đứng cảm chiến đấu với kẻ thù trước mặt, cái này là “dũng”; nhìn thấy đồ ăn liền kêu gọi bạn bè đến, đây là “nhân”; canh đêm báo sáng không làm nhỡ thời gian, chính là “tín”. Gà mặc dù có đủ cả 5 đức

hạnh trên nhưng bệ hạ vẫn giết nó chế biến món ăn, tại sao ư? Tại vì chúng đến từ nơi rất gần. Thiên nga hể bay là bay cả ngàn dặm, đậu xuống trong điền viên của Bệ hạ, ăn cá rùa bệ hạ nuôi, mổ lương thực bệ hạ trồng, không hề có 5 loại đức hạnh mà gà có, Bệ hạ vẫn trân quý nó, tại vì sao? chính là vì nó đến từ những nơi xa xôi. Cho nên thần muốn rời xa ngài, chạy xa và bay cao giống như thiên nga vậy”. Lỗ Ai công nói: “Hãy ở lại, đừng đi, ta sẽ nhớ lấy những lời ngài nói”. Điền Nhiêu nói: “Thần nghe nói, ăn cơm của ai thì không hủy hoại cái chén của người đó, ở dưới cây của ai hóng mát thì không bẻ gãy nhánh cây của người đó. Gặp được người có tài cán không chịu trọng dụng, chỉ nhớ suông lời của người đó nói thì có ích gì?” Do đó Điền Nhiêu rời bỏ nước Lỗ, đi đến nước Yên. Nước Yên mời ông ấy làm tể tướng. Trải qua 3 năm, nền chính trị nước Yên trong sạch, đất nước thái bình. Lỗ Ai công luôn cảm thấy tiếc nuối, vì việc này mà né tránh chính điện, về sống ở thiên điện, kéo dài đến 3 tháng. Lỗ Ai công nói: “Trước khi xảy ra sự việc không thận trọng mà suy xét, sau khi sự việc đã xảy ra rồi mới hối hận, còn có tác dụng gì nữa chứ?”

Khổng Tử nói: “Kẻ sĩ có 5 loại: Người có địa vị cao quý, người có gia cảnh giàu có, người có thiên tính dũng cảm quả quyết, người có đầu óc thông minh, người có dung mạo đẹp. Địa vị cao quý nhưng lại không dùng nó để bảo vệ dân chúng thúc đẩy lễ nghi nhân nghĩa mà trái lại hung bạo ngạo mạn; gia cảnh giàu có nhưng lại không dùng để cứu vãn dân chúng nghèo đói cơ hàn, ngược lại sống xa xỉ vô độ; bản tính dũng cảm quả quyết nhưng lại dùng nó để bảo vệ nhà vua tiến đánh trong các cuộc chiến, trái lại ức hiếp kẻ yếu, vì tư lợi mà tranh giành; đầu óc thông minh nhưng lại không dùng nó để tính toán mưu đồ cho quốc sự, trái lại làm điều gian ác, che đậy cho người xấu; dung mạo đẹp nhưng lại không dùng nó để thống lĩnh hội nghị ngự triều, tự mình đi thăm viếng dân chúng, trái lại

mê hoặc nữ giới, thỏa mãn sắc dục. Trong 5 tình huống trên, tức đã đánh mất đi tố chất tốt đẹp của một kẻ sĩ rồi”.

Tìm tòi nghiên cứu nguồn gốc của thiên mệnh, tu dưỡng cách thức vận dụng ý nghĩ, phân biệt kỹ càng thiện ác, tiết chế sắc dục, có thể làm được những điều trên coi như đã thành công trên con đường tu luyện. Tìm tòi nghiên cứu nguồn gốc của thiên mệnh thì sẽ không u mê bởi họa hay phúc, không bị u mê trước họa hay phúc, như vậy tình hình sẽ được tuân theo đến một mức độ nào đó; tu dưỡng cách thức vận dụng ý nghĩ, sẽ không hỉ nộ vô thường, không hỉ nộ vô thường, vậy thì thưởng phạt sẽ không tuân theo tư tình; phân biệt kỹ càng thiện ác, sẽ không tham lam vật chất vô dụng, không tham lam vật chất vô dụng sẽ không vì vật chất mà làm tổn hại đến tâm tính; tiết chế sắc dục, sẽ không vượt quá giới hạn, tham muốn không vượt quá giới hạn thì có thể bảo dưỡng sinh mệnh và biết hài lòng với thực tại rồi. Bốn phương diện trên không cần phải cầu cứu sự giúp đỡ từ bên ngoài, không được nhờ sự giúp đỡ từ người khác, chỉ là tự kiểm điểm lại bản thân mình, chỉ như vậy mà thôi.

Trời thiết lập nên vị trí của nó ở trên cao, cho nên mặt trời, mặt trăng mới có thể chiếu sáng được trọn vẹn; đất thiết lập nên độ dày của nó, nên núi non mới có thể yên trí ở trên đất; nhà vua thiết chế nên pháp quy, cho nên tất cả mọi việc mới có thể tiến hành theo trình tự.

Mỗi người bình thường đều có sáu tâm tính: hỉ, nộ, ai, lạc, tốt, xấu, nếu không thỏa mãn nó sẽ xảy ra tai vạ, thuận theo nó thì sẽ thuận hòa. Cho nên nhà vua chỉ dạy muôn dân của mình, nhất định phải thuận theo tình cảm của muôn dân, đồng thời dùng kỷ cương, phép tắc mà hỗ trợ tiết chế; nhất định phải thuận theo ham muốn của muôn dân, đồng thời dùng nghĩa lý hỗ trợ việc cai quản. Kỷ cương phép tắc nên giản lược nhưng đầy đủ rõ ràng, kỷ cương phép tắc nên giản đơn nhưng tiện cho việc thi hành, như vậy sẽ cách sự mong ước của muôn dân sẽ không xa, cho nên muôn dân cũng sẽ nhanh chóng tuân theo chính lệnh.

Trí huệ giống như suối nguồn vô tận, một người mà hành vi của họ có thể là hình mẫu cho những người khác, chính là người thầy chỉ dạy dẫn dắt con người; trí huệ giống như đá mài dao, người mà đức hạnh của họ có thể trợ giúp sửa chữa sai lầm một cách hiệu quả, đó là bạn của mọi người; tuân theo pháp lệnh và tuân thủ nghiêm ngặt chức trách, không bao giờ dám làm việc xấu, đó là quan lại của dân chúng; đối diện với những việc khiến bạn vui vẻ, bạn hô lên 1 tiếng có người liền lên tiếng đồng ý, đó là đầy tớ của người. Cho nên 1 vị vua tài đức sáng suốt nhất là dùng người thầy đến phụ tá đại thần; quân vương tài đức thấp hơn 1 bậc thì dùng bạn của dân chúng đến phụ tá đại thần; một vị vua tài đức thấp hơn nữa thì dùng quan lại của muôn dân để phụ tá quần thần; chỉ những vị vua sắp nguy vong mới dùng đầy tớ của con người đến phụ tá đại thần. Muốn quan sát sự diệt vong của một vị vua của một nước, nhất định phải bắt đầu quan sát từ việc vị vua đó sử dụng các thần tử như thế nào. Đó là lí do mà cùng là người có đôi mắt sáng suốt mới có thể nhìn thấy được nhau, đều là người có đôi tai tinh tường mới có thể nghe thấy được nhau, những người cùng chung chí hướng mới có thể đi cùng nhau. Nhà vua không hiền minh thì không thể bỏ nhiệm được người hiền minh, mà những người không hiền minh này được bỏ nhiệm làm quan lại phụ tá bên cạnh vua, đó là nhân tố quyết định sự tồn vong của quốc gia, là bộ phận quyết định thành công hay thất bại trong việc xử lý chính sự của một nước, làm sao có thể không thận trọng trong việc này chứ?

Ngày xưa con người ít giao du với bên ngoài nhưng vẫn biết các việc trong thiên hạ, không nhìn ra ngoài cũng biết được lẽ trời, hoàn toàn không phải đôi mắt của họ có thể nhìn xa nghìn dặm, cũng không phải là đôi tai của họ có thể nghe xa vạn dặm, mà là họ dựa vào suy nghĩ của bản thân để suy đoán ra, dựa vào tình cảm của bản thân mà suy tính ra. Bản thân mình muốn được ăn được mặc thì cũng biết được người trong toàn thiên hạ cũng muốn được ăn được mặc; bản thân mình muốn được an nhàn thì người trong khắp thiên hạ cũng muốn được an

nhàn; bản thân mình gặp phải những chuyện khiến mình yêu thích hoặc ghét bỏ thì cũng biết được người trong thiên hạ cũng có những chuyện khiến họ yêu thích hoặc ghét bỏ. Ba điểm này, chính là lí do mà những thánh vương thời xưa không những có thể ngồi vững trên chiếc ghế nhà vua, còn có thể cai quản được thiên hạ. Cho nên tiêu chuẩn đạo đức của quân tử, cũng chỉ là hết lòng hết dạ vì người khác và đặt mình vào hoàn cảnh của người khác để suy nghĩ mà thôi! Đói khát làm cho tinh lực của con người bị tổn thất, khí hậu khắc nghiệt cũng sẽ kích thích sự biến đổi của cơ thể cũng như da dẻ của con người. Bốn loại đồ vật này là đại họa của muôn dân. Đại họa của muôn dân nếu không trừ khử, thì rất khó để cai quản dân chúng. Túc chi của con người không thể dùng y phục mà có thể để che đậy được, chính là những người thiếu nhân nghĩa; con người khi bụng đói thì cũng không còn là kẻ sĩ ngay thẳng nữa. Muôn dân được ăn uống đủ đầy, cơ thể không lo bị rét mướt, mới có thể dùng lễ pháp quản lý họ.

Trong cây chàm có màu xanh, sợi tơ nhờ vào nó mà còn xanh hơn cả chính nó; đất đai có màu vàng, sợi tơ nhờ vào nó mà vàng hơn cả màu đất. Màu xanh trong cây chàm, màu vàng trong đất còn có thể nhờ cây được thì kẻ sĩ nhân nghĩa lẽ nào lại có thể không nhờ cây được sao? Ở đông hải có một loại cá gọi là cá bơn, chúng chỉ có một mắt bên đầu nên chúng phải song hành với nhau mới có thể bơi được; ở phương bắc có một loại thú vật, gọi là “lâu” (loại thú hình dáng giống con báo nhưng lại có bờm), thay phiên nhau ăn, thay phiên nhau trông coi, cảnh giác; ở phương nam có một loại chim gọi là chim kiêu kiêu, kết đôi liền cánh với nhau mới có thể bay lượn được. Chim thú cá còn biết nương tựa lẫn nhau, huống hồ gì người có hàng vạn chiếc chiến xa như vua chứ! Lại cứ một mực không biết nhờ sự giúp đỡ của các anh hùng và những người có tài cán trong thiên hạ, không kết bạn với những người này, chẳng lẽ như vậy không khiến người khác đau lòng sao? Cho nên nói: “Để những người sáng suốt giúp những người sáng suốt, thì có thể lên cao đến tận

trên trời; để những người sáng suốt trợ giúp những người mù lòa thì người mù lòa có thể quay về hàng ngũ của những người sáng suốt. Nếu như hai người mù cùng nâng đỡ nhau, thì có thể không đứng, không vướng phải cây, không rớt vào giếng không lọt vào bẫy thì họ đã may mắn lắm rồi”.

Hạnh phúc được sinh ra từ sự mãn nguyện bên trong mà không đòi hỏi bất cứ điều gì bên ngoài, còn họa hoạn lại đến từ ham muốn quá độ. Cho nên nói biết đủ thì đầy đủ sung túc sẽ theo đó mà đến; đức hạnh phù hợp để lãnh đạo dân chúng thì cao sang sẽ theo đó mà đến. Cho nên những người xem trọng tước vị mà xem nhẹ đức hạnh, thì cho dù có là vua cũng không cao sang; người tham lam tiền tài vật chất mà không biết thỏa mãn, thì dù có là vua cũng không được đầy đủ sung túc. Sản vật sinh ra từ đồng ruộng chỉ tăng thêm ở một giới hạn nhất định. Tài nguyên sinh ra từ sông núi cũng có lúc cạn kiệt. Trong lòng không biết thỏa mãn mà mưu cầu những loại sản vật không thể tăng thêm được nữa, mang theo ham muốn gấp trăm lần, tìm kiếm những tài nguyên có hạn, là nguyên nhân khiến vua Kiệt thời nhà Hạ, vua Trụ thời nhà Thương mất đi vị trí ngôi vua của mình.

Thời xa xưa nhất định sẽ có những người được vua ban thưởng chức tước địa vị. Trong dân thì tôn trọng trưởng bối, hết lòng yêu thương cô nhi, trong những sự việc có yếu tố lựa chọn thì luôn nhường bộ, đảm trách công việc thì luôn tận lực làm, người như vậy sẽ được vua ban bố chiếu lệnh khen thưởng. Sau chiếu lệnh khen thưởng, là có thể ngồi trên chiếc xe ngựa đã được trang trí đẹp đẽ; người không nhận được chiếu lệnh khen thưởng thì không thể ngồi trên xe ngựa đã được trang trí, ai ngồi lên sẽ bị trừng phạt. Cho nên có những người dân mặc dù của cải vật chất dư đầy nhưng lại không có được công đức lễ nghi, thì không thể sử dụng những tiền tài vật chất dư giả đó. Cho nên dân chúng đều xem trọng nhân nghĩa mà coi nhẹ lợi ích vật chất. Coi nhẹ lợi ích vật chất thì sẽ không tranh giành, không tranh giành lợi ích vật chất thì dù có lớn mạnh cũng không ứ

hiếp những người nhỏ yếu, tập thể người đông sức lực nhiều không ức hiếp tập thể ít người sức lực yếu. Đó chính là nguyên nhân mà vua Nghiêu, vua Thuấn sử dụng pháp lệnh và hình pháp mang tính tượng trưng nhưng muôn dân không hề phạm pháp. Muôn dân không phạm pháp là tai nạn và rắc rối cũng không xảy ra.

Triệu vương phái người đi sứ nước Sở, Triệu vương gãy đàn sắt tiễn người đi sứ, nói: “Nhất định phải làm theo lời dặn của ta, chú ý, đừng quên lời ta dặn”. Sứ giả nhận xong mệnh lệnh, rạp mình xuống sát đất không chịu đứng lên, nói: “Đại vương gãy đàn sắt, trước giờ không hề âu sầu như thế này”. Triệu vương nói: “Đúng vậy, đàn sắt vốn dĩ đã có thang âm “thương” (1 trong 5 thang âm trong âm nhạc cổ xưa) phát ra âm bi thương”. Sứ giả nói: “Có thể khắc một kí hiệu lên trên trụ đàn về thang âm này”. Triệu vương nói: “Không được, thời tiết có khô hanh, ẩm ướt, dây đàn cũng có sợi lỏng sợi căng, trụ đàn cũng có lúc chuyển động, không thể đánh dấu cố định được”. Sứ giả nói: “Xin cho phép thần mượn đây làm một ví dụ: Nước Sở cách nước Triệu 1000 dặm, nhưng gặp phải tang sự liền chia buồn, gặp hỷ sự thì chúc mừng, giống như trụ đàn cũng có lúc chuyển động vậy, không thể đánh dấu cố định được. Cho nên một vị vua anh minh lúc cử sứ giả, nhất định phải thận trọng trong việc lựa chọn người để phó thác, phạm đã cử người đó đi, thì cần phải tín nhiệm người đó, đem tư tưởng và chủ trương của mình giao phó cho người đó, chứ không phải lấy một vài câu chữ giao phó cho người đó”.

Triệu Giản Tử có một gia thân tên là Chu Xá, đã đứng ở trước cửa đợi 3 ngày 3 đêm. Giản Tử phái người hỏi Chu Xá: “Nhà ngươi muốn gặp ta có việc gì?” Chu Xá trả lời: “Thần nguyện làm một thân tử nói lời ngay thẳng, cầm chắc bút mực thẻ gỗ, túc trực phía sau ngài, nhìn thấy lỗi lầm liền ghi lại, mỗi ngày đều ghi chép, một tháng nhất định sẽ có thành tích, một năm thì sẽ có công hiệu rồi”. Triệu Giản Tử liền nhận Chu Xá vào sống cùng, đi ra ngoài lúc nào cũng đưa theo Chu Xá. Ở

cùng với nhau chẳng bao lâu thì Chu Xá qua đời. Sau này Triệu Giản Tử cùng với rất đông các đại phu uống rượu ở đài Hồng Ba. Rượu uống đến lúc ngà ngà say, Triệu Giản Tử rơi nước mắt, các đại phu đều nhanh chóng chạy ra ngoài, nói: “Chúng thần đã phạm phải sai lầm gì, chính bản thân chúng thần vẫn chưa biết mình đã phạm lỗi gì”. Triệu Giản Tử nói: “Các khanh đều không có lỗi gì cả. Lúc trước người bạn của ta Chu Xá đã từng nói: “Một ngàn tấm da dê không bằng một miếng da lông của con cáo, một đồng người vâng vâng dạ dạ vẫn không bằng lời nói ngay thẳng của một kẻ sĩ chính trực”. Trước đây Thương Trụ vương thần trí mê muội mà bị diệt vong, Chu Vũ vương vì tiếp nhận tốt những lời nói ngay thẳng lại trở nên hưng thịnh. Bây giờ kể từ sau khi Chu Xá mất đi, ta không còn nghe ai chỉ ra lỗi lầm của ta nữa, như vậy chẳng còn bao lâu nữa là đến sự diệt vong của ta rồi, cho nên ta mới khóc”.

Tấn Bình công du ngoạn ở trên sông, rất là vui vẻ. Tấn Bình công nói: “Làm sao mới có thể chiêu mộ được hiền sĩ đồng thời có thể cùng với các hiền sĩ hưởng thụ những thú vui này?” Người chèo thuyền Hạp Tư quỳ xuống trả lời: “Quân vương ngài chẳng hề ưa chuộng hiền tài! Những hạt ngọc trai được sinh ra từ sông từ biển, ngọc thạch sinh trưởng ở trên dãy núi Côn Lôn, những thứ này không hề có chân nhưng lại có thể đến được tới tay ngài, chỉ là vì bệ hạ ngài ưa chuộng những thứ đó thôi. Hiền sĩ mặc dù có chân nhưng không thể đến bên ngài, chính là vì bệ hạ không có ý mến chuộng hiền sĩ mà thôi. Ngài há có gì lại lo lắng không có hiền tài chứ? Tấn Bình công nói: “Môn khách của ta, công bên trái có một ngàn người ở, công bên phải 1 ngàn người ở; nếu như họ buổi sáng tới không đủ ăn, thì ta ngay lập tức đến chợ thu thuế để cung cấp cho họ, như vậy ta có thể nói là không mến mộ hiền tài sao?” Hạp Tư trả lời, nói: “Thiên nga mỗi lần bay là bay cả ngàn dặm, tất cả đều nhờ vào 6 sợi lông vũ đặc thù trên đôi cánh của nó, còn những sợi lông vũ ở trên lưng hay dưới bụng của nó, có thêm một nắm cũng không thể khiến thiên nga bay cao hơn, có bớt đi một nắm cũng không thể khiến nó bay thấp hơn. Những

môn khách hiện tại của quân vương, đại khái cũng chỉ là những sợi lông vũ trên lưng và dưới bụng của thiên nga mà thôi. Trong Thi có nói: “Mưu sĩ bàn bạc dự tính quá nhiều, do đó không thống nhất được ý kiến, không thể thành công,” những lời nói đó chính là trong tình huống này.

Tổng Yên là tể tướng nước Tề nhưng đã bị trục xuất. Sau khi về đến nhà, Tổng Yên triệu tập 26 người, trong đó có Trần Nhiêu - 1 quan gác cổng lại và nói: “Các vị có ai đồng ý cùng ta đi tìm chur hầu báo thù không?” Trần Nhiêu và mọi người đều cúi mặt xuống đất không trả lời. Tổng Yên nói: “Thật khiến người khác đau lòng! Tại sao chiêu mộ các vị thì dễ nhưng dùng các vị lại khó như vậy?” Trần Nhiêu trả lời: “Không phải chiêu mộ kẻ sĩ dễ, dùng kẻ sĩ khó, mà là vì ngài không biết dùng người. Không biết dùng người, kẻ sĩ sẽ có ý nghĩ không phục, đây là những sai lầm của bản thân mình, ngài ngược lại còn phê phán người khác sao”. Tổng Yên nói: “Người nói như vậy có nghĩa là gì?” Trần Nhiêu trả lời rằng: “Lấy ba thưng cao lương ra trả lương cho kẻ sĩ, không đủ kẻ sĩ ăn, nhưng những con vịt trời, những con chim nhạn trong vườn nhà ngài, lại được ngài cho gạo kê ăn không hết. Đây là sai lầm thứ nhất của ngài; những trái lê, hạt dẻ trong vườn trái cây, các phu nhân ở hậu cung lấy nó để vui đùa, ném qua ném lại, nhưng kẻ sĩ lại chưa hề được ném qua, đây là sai lầm thứ hai của ngài; dùng lĩnh là lụa đoạn đủ hàng tơ lụa trang trí trong phòng một cách nguy nga long lẫy, phát phơ theo gió, cho đến khi cũ rách rồi, nhưng kẻ sĩ cũng không thể dùng nó để làm đường viền hoa trên trang phục, đây là sai lầm thứ ba của ngài. Hơn nữa những tiền tài vật chất đó, đối với ngài mà nói đều là những thứ rất rẻ mạt. Song cống hiến sinh mạng, đối với kẻ sĩ mà nói, đó là việc vô cùng quan trọng. Ngài không muốn lấy những thứ bị ngài xem là rẻ mạt ra, nhưng lại muốn kẻ sĩ dâng hiến sinh mệnh, thứ mà họ rất xem trọng lên cho ngài. Như vậy chẳng khác gì xem kẻ sĩ như việc thu gom những con dao làm bằng chì vô dụng, nhưng lại muốn

kẻ sĩ phát huy công dụng như bảo kiếm Can Tương, không phải là quá khó khăn rồi sao?” Tống Yên nghe xong liền nói: “Đây là lỗi lầm của ta”.

Ngụy Văn Hầu hỏi Hồ Quyền Tử rằng: “Phụ thân hiền đức thì mình có thể dựa dẫm vào không?” Hồ Quyền Tử trả lời: “Không được”. Ngụy Văn Hầu lại hỏi: “Con trai hiền đức có được dựa dẫm vào không?” Hồ Quyền Tử trả lời: “Không được”. Ngụy Văn Hầu tiếp tục hỏi: “Huynh trưởng hiền đức thì có được dựa dẫm vào không?” Hồ Quyền Tử trả lời: “Không được”. Ngụy Văn Hầu hỏi: “Vậy em trai hiền đức thì như thế nào?” Hồ Quyền Tử trả lời: “Không được”. Ngụy Văn Hầu lại hỏi: “Thần tử hiền đức có ta có được dựa dẫm vào không?” “Không được”, Hồ Quyền Tử trả lời. Ngụy Văn Hầu đột nhiên thay đổi sắc mặt, tức giận nói: “Ta hỏi ý kiến nhà ngươi 5 trường hợp, ngươi lại hoàn toàn cho là không được, như vậy là nghĩa lý gì?” Hồ Quyền Tử trả lời rằng: “Những người làm cha, không ai là hiền đức hơn vua Nghiêu, nhưng con trai của ông ấy - Đan Chu lại bị lưu đày. Những người làm con, không có ai hiền đức qua vua Thuấn, nhưng phụ thân của ông ấy - Cổ Tâu lại buống binh ngoan cố; những người làm huynh trưởng, cũng không ai hiền đức qua vua Thuấn, nhưng em trai ông ấy lại ngang ngược hống hách; những người làm em, không ai hiền đức qua Chu công, vậy mà anh trai của ông ấy Quản Thúc lại vì phản bội nước Chu mà bị giết chết; nói về hiền thần, không ai hiền đức bằng Thương Thang vương, Chu Võ vương, nhưng Hạ Kiệt vương, Thương Trụ vương lại bị chính Thương Thang vương và Chu Võ vương thảo phạt. Trông chờ vào người khác thường chẳng bao giờ đạt được mục đích, những người dựa dẫm vào người khác cũng không thể tồn tại lâu dài. Quốc vương ngài muốn cai quản tốt đất nước, thì nên bắt đầu từ chính bản thân mình, làm sao có thể dựa dẫm vào người khác được chứ? Trong [Thi] có câu: “Bản thân mình mưu cầu loại hạnh phúc đó”. chính là nói về ý này.

Thời xưa, Điền Tử Phương trong một lần đi ra ngoài, nhìn

thấy trên đường có một con ngựa già, trong lòng thờ dài vì thương cảm, bèn liền hỏi người đánh xe là: “Nó là con ngựa ở đâu?” người đánh xe trả lời: “Nó vốn dĩ là con ngựa được nhà chủ của tôi nuôi, bây giờ tuổi già sức yếu, không dùng được nữa, cho nên mới bị đuổi ra đây”. Điền Tử Phương nói: “Lúc trẻ cống hiến sức lực, về già lại bị đuổi ra ngoài, người nhân nghĩa chẳng ai lại làm những việc như thế này”. Do đó dùng năm cuộn lụa mua nó về. Những kẻ sĩ nghèo túng sau khi nghe câu chuyện này, đều hiểu ra mình nên quy phục về đâu.

Ngụy Văn Hầu hỏi Lý Khắc: “Trong con người có sự căm ghét không?” Lý Khắc trả lời rằng: “Có, người cao quý bị những kẻ hèn mọn căm ghét, người giàu có bị những kẻ bần cùng căm ghét, người khôn ngoan bị những kẻ ngu đần căm ghét”. Ngụy Văn Hầu hỏi: “Có thể ở trong ba tình cảnh trên nhưng lại không bị người khác căm ghét không?” Lý Khắc trả lời: “Có thể. Thân nghe nói nếu như người cao quý thân thiết với những kẻ hèn mọn, vậy thì mọi người sẽ không căm ghét người cao quý nữa. Nếu như người giàu có phân phát của cải cứu giúp những kẻ bần cùng, vậy thì những kẻ bần cùng sẽ không căm ghét người giàu có nữa. Nếu như người khôn ngoan giáo dục kẻ ngu đần, như vậy những kẻ ngu đần cũng sẽ không căm ghét người khôn ngoan nữa”. Ngụy Văn Hầu nói: “Nói rất hay”.

Bệnh tật của vua có 12 loại, không phải thầy thuốc có tài và có đức thì không thể chữa trị được. Là 12 loại nào? Đó là: Liệt, kiệt quệ, nghịch, trướng, mãn, chi, bệnh về cơ hoành, mù, phiền muộn, suyễn, phong hàn thấp và những tin đồn. Vậy những thầy thuốc tài giỏi làm thế nào để chữa trị những loại bệnh đó? Câu trả lời là: “Giảm thiểu cường bức lao động, giảm nhẹ hình phạt, thì bệnh liệt sẽ không phát ra; không để dân chúng chịu cơ hàn, sẽ không phát ra bệnh kiệt quệ; không để tài nguyên đều hội tụ ở tầng lớp trên của xã hội, sẽ không phát ra “nghịch”; không để cho lương thực trong kho chất đống thối nát thì sẽ không bị “trướng”; không để

đầy kho, thì sẽ không phát ra bệnh “mãn”; không để cho các đại thần sa đọa vào ca múa nữ sắc, cố tình làm bậy, sẽ không phát ra “chi”; đừng để tâm tình không thông, thì “cơ hoành” sẽ không phát ra bệnh; quân vương cứu vớt an ủi chăm sóc bách tính thì bệnh “mù” sẽ không bị phát; tuân theo và sử dụng pháp lệnh để trị quốc thì sẽ không phát ra “phiền muộn”; không khiến dân chúng oán hận, thì bệnh “suyễn” sẽ không phát; không che lấp những kẻ sĩ hiền đức thì bệnh “phong hàn thấp” sẽ không bị phát; đừng làm những việc khiến muôn dân dùng những bài ca dao để phê bình châm biếm, thì “tin đồn” sẽ không phát ra. Trọng thần triều đình cùng với quần thần bách tính, giống như tâm can và thân thể của nhà vua, tâm can và thân thể không bị tổn thương thì nhà vua sẽ không mắc phải bệnh tật! Cho nên nói, không phải lương y tài đức thì không thể trị khỏi những loại bệnh này. Một khi quân vương mắc hết 12 loại bệnh này, nếu như không dùng lương y vừa có tài vừa có đức để chữa trị, vậy thì quốc gia sẽ không còn là quốc gia của nhà vua nữa.

Tề Cảnh công phái một sứ giả đi đến nước Sở, Sở vương với sứ giả cùng đi lên đài chín tầng. Sở vương quay đầu lại nhìn sứ giả và nói: “Nước Tề cũng có đài cao giống như vậy chứ?” Sứ giả trả lời rằng: “Vua nước hạ thần có cung điện xử lý thường vụ, trước cửa có bậc thềm bằng đất cao ba thước, cỏ dại cũng không thu dọn, thanh rui thu nhặt về không hề chặt gọt qua, cứ tưởng rằng người xây dựng cung điện đã kiệt sức, nhưng người cư trú trong đó lại sống bình an khỏe mạnh. vua nước hạ thần làm sao có được cái đài cao như thế này chứ”. Sở vương ngày sau đó lộ ra vẻ đau buồn.

(HẾT TẬP 4)